

QUYẾT ĐỊNH

V/v: Cập nhật, bổ sung chương trình và tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HD**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán HD;
- Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị số 10/2026/NQ-HĐQT ngày 10/03/2026;
- Căn cứ Đơn xin thôi tham gia Hội đồng quản trị của Bà Nguyễn Thị Tích ngày 10/04/2026;
- Căn cứ Đơn đề cử thành viên Hội đồng quản trị ngày 21/04/2026;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Thông qua việc cập nhật, bổ sung chương trình họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 (ĐHĐCĐ 2026) của Công ty Cổ phần Chứng khoán HD (HDS). Chương trình họp sau khi cập nhật bao gồm các nội dung như sau:

- (1) Thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán;
- (2) Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025;
- (3) Kế hoạch kinh doanh năm 2026;
- (4) Tổng mức chi trả thù lao trong năm 2025 và phương án chi trả thù lao trong năm 2026 cho Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban Kiểm soát (BKS);
- (5) Danh sách tổ chức kiểm toán và ủy quyền lựa chọn tổ chức kiểm toán cho năm tài chính 2026;
- (6) Thông qua Đơn xin thôi tham gia HĐQT và Bầu bổ sung thành viên HĐQT trong thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2025 – 2030;
- (7) Phương án phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng;
- (8) Sửa đổi, bổ sung và ban hành lại toàn văn Điều lệ Công ty và các quy chế quản trị;
- (9) Thông qua chủ trương thành lập tổ chức kinh doanh chứng khoán là Thành viên tại Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam;
- (10) Thông qua chủ trương ký kết, thực hiện các Hợp đồng, thỏa thuận, giao dịch với Người có liên quan;
- (11) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền ĐHCĐ (nếu có).

Điều 2. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung các tài liệu họp ĐHCĐ 2026 phù hợp với chương trình họp đã được cập nhật tại Điều 1 Quyết định này. Các tài liệu họp sau khi cập nhật, điều chỉnh theo Quyết định này thay thế cho các tài liệu đã công bố trước đó.

Điều 3. Giao cho Văn phòng Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc triển khai các công việc liên quan để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc các Khối, Trưởng các phòng ban có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VP. HĐQT.


Nguyễn Cảnh Vinh



CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2026

Thời gian: 9:00, Thứ Năm, ngày 23 tháng 04 năm 2026

Địa điểm: Phòng họp - Công ty Cổ phần Chứng khoán HD (HDS), Số 23A-B Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

<i>Thời gian</i>	<i>Nội dung</i>
08:45 - 09:00	Đón khách và đăng ký dự họp
09:00 - 09:15	Tuyên bố khai mạc, giới thiệu các thành phần tham dự và giới thiệu Ban kiểm tra tư cách cổ đông Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 (ĐHĐCĐ 2026)
09:15 - 09:20	Giới thiệu và thông qua: <ul style="list-style-type: none"> • Đoàn Chủ tịch, Ban Kiểm phiếu và Ban Thư ký • Quy chế làm việc của ĐHĐCĐ 2026 • Chương trình ĐHĐCĐ 2026
09:20 - 09:45	Các báo cáo tại ĐHĐCĐ 2026 <ol style="list-style-type: none"> (1) Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị (HĐQT) năm 2025 và Phương hướng hoạt động năm 2026 (2) Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát (BKS) năm 2025 và Phương hướng hoạt động năm 2026 (3) Báo cáo của Tổng Giám đốc về kết quả hoạt động kinh doanh 2025 và Kế hoạch hoạt động năm 2026
09:45 - 10:15	Các tờ trình tại ĐHĐCĐ 2026 <ol style="list-style-type: none"> (1) Thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán (2) Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 (3) Kế hoạch kinh doanh năm 2026 (4) Tổng mức chi trả thù lao trong năm 2025 và phương án chi trả thù lao trong năm 2026 cho HĐQT và BKS (5) Danh sách tổ chức kiểm toán và ủy quyền lựa chọn tổ chức kiểm toán cho năm tài chính 2026 (6) Thông qua Đơn xin thôi tham gia HĐQT và Bầu bổ sung thành viên HĐQT trong thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2025 – 2030 (7) Phương án phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng (8) Sửa đổi, bổ sung và ban hành lại toàn văn Điều lệ Công ty và các quy chế quản trị (9) Thông qua chủ trương thành lập tổ chức kinh doanh chứng khoán là Thành viên tại Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam (10) Thông qua chủ trương ký kết, thực hiện các Hợp đồng, thỏa thuận, giao dịch với Người có liên quan (11) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ (nếu có)
10:15 - 10:30	Thảo luận và biểu quyết thông qua các nội dung trình ĐHĐCĐ 2026; bầu bổ sung thành viên HĐQT trong thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2025 - 2030
10:30 - 10:40	Nghỉ giải lao
10:40 - 10:50	Công bố kết quả biểu quyết, bầu cử
10:50 - 11:00	Thông qua Biên bản họp, Nghị quyết và Bế mạc ĐHĐCĐ 2026

**QUY CHẾ LÀM VIỆC TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HD**

Nhằm đảm bảo nguyên tắc công khai, công bằng, dân chủ, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức tiến hành Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 (ĐHĐCĐ 2026) của Công ty Cổ phần Chứng khoán HD (HDS) được thành công tốt đẹp. Ban tổ chức Đại hội kính trình ĐHĐCĐ 2026 thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội (ĐH) như sau:

Điều 1. Trật tự của đại hội

1. Cổ đông khi vào phòng dự ĐH phải ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban tổ chức của ĐH quy định.
2. Không hút thuốc lá trong phòng ĐH, tắt Điện thoại di động và giữ trật tự trong suốt quá trình diễn ra ĐH.

Điều 2. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại ĐH

Tất cả các vấn đề trong chương trình nghị sự tại ĐH đều phải được thông qua bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu biểu quyết theo đúng nguyên tắc đã được Ban kiểm phiếu hướng dẫn.

Điều 3. Phát biểu ý kiến tại ĐH

1. Cổ đông khi tham dự ĐH muốn phát biểu ý kiến thảo luận phải đăng ký nội dung phát biểu và được sự đồng ý của chủ tọa;
2. Cổ đông tập trung phát biểu vào những nội dung trọng tâm phù hợp với chương trình nghị sự được ĐH thông qua trên tinh thần góp ý xây dựng.

Điều 4. Trách nhiệm của Ban kiểm tra tư cách cổ đông

1. Kiểm tra tư cách cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền đến họp;
2. Kiểm tra chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ tùy thân khác, giấy mời, giấy ủy quyền (nếu có) của các cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông đến dự họp;
3. Phát phiếu biểu quyết và tài liệu cho cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông;
4. Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tỷ lệ cổ đông tham dự Đại hội.

Điều 5. Trách nhiệm của Chủ tọa

1. Điều khiển ĐH theo đúng nội dung chương trình nghị sự và quy chế đã được thông qua;
2. Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập trung, dân chủ, quyết định theo đa số;
3. Giải quyết các vấn đề phát sinh (nếu có) trong quá trình diễn ra Đại hội.

Điều 6. Trách nhiệm của Ban thư ký

1. Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến chương trình ĐH và tất cả các vấn đề đã được cổ đông thông qua tại ĐH;
2. Soạn thảo Biên bản ĐH và các Nghị quyết về những vấn đề đã được thông qua tại ĐH.

Điều 7. Trách nhiệm của Ban kiểm phiếu

1. Xác định kết quả biểu quyết của cổ đông và các vấn đề đã được thông qua tại ĐH. Nhanh chóng thông báo cho Ban thư ký kết quả biểu quyết;
2. Phát và thu phiếu bầu cử, tiến hành kiểm phiếu, lập biên bản kiểm phiếu và công bố kết quả;
3. Xem xét và báo cáo với ĐH quyết định những trường hợp vi phạm tại ĐH về bầu cử, đơn từ khiếu nại về bầu cử.



Điều 8. Biên bản ĐH

Tất cả những vấn đề, nội dung tại ĐH phải được Thư ký ĐH ghi vào Biên bản ĐH và phải được thông qua trước khi bế mạc ĐH.

Trên đây là toàn bộ nội dung Quy chế làm việc của ĐHĐCĐ 2026 của HDS.

Kính trình Đại hội thông qua.

Trân trọng!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch 

CÔNG TY
CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN
HD
QUẬN 1 - T.P HỒ CHÍ MINH
Nguyễn Cảnh Vinh


MINH

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026***Kính thưa Quý Đại biểu,**Kính thưa Quý vị cổ đông*

Thay mặt các thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT), tôi xin trân trọng báo cáo Đại hội về kết quả hoạt động năm 2025 và phương hướng hoạt động năm 2026 của HĐQT, cụ thể như sau:

1. Thông tin chung

Hội đồng quản trị công ty trong năm 2025 gồm 3 thành viên:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
1	Ông Nguyễn Cảnh Vinh	Chủ tịch HĐQT	22/04/2025
2	Bà Nguyễn Thị Tích	Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT	22/04/2025
3	Ông Trần Hoài Phương	Thành viên HĐQT	22/04/2025

- Cơ cấu HĐQT hiện tại đã cân đối và phù hợp giữa các thành viên có kinh nghiệm, kiến thức, hiểu biết về quản trị, pháp luật, tài chính, chứng khoán và phù hợp cơ cấu theo quy định của pháp luật, bảo đảm tính độc lập, khách quan.
- Năm 2025, HDS ghi nhận lợi nhuận trước thuế hợp nhất cả năm 2025 đạt xấp xỉ 1.313 tỷ đồng. Tại ngày 31/12/2025, tổng tài sản của HDS đạt hơn 5.949 tỷ đồng, trong đó vốn chủ sở hữu đạt gần 3.479 tỷ đồng. Trong năm 2025, HDS cũng đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua việc tăng quy mô vốn điều lệ từ 1.461 tỷ đồng lên 10.960 tỷ đồng theo phương thức chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và phát hành cổ phiếu để chia cổ tức. Hiện HDS đang thực hiện các thủ tục triển khai chào bán, phát hành cổ phiếu theo quy định pháp luật.
- Kết quả kinh doanh nói trên đã phản ánh những nỗ lực của Ban lãnh đạo cùng toàn thể nhân viên Công ty trong năm 2025 khi vừa phải đối mặt với những khó khăn vĩ mô vừa phải tìm các giải pháp tận dụng các thuận lợi và thế mạnh của mình trong tình hình thị trường với mức độ cạnh tranh ngày càng quyết liệt.

3.1. Chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh:

Chỉ tiêu	TH 2024 (Tỷ đồng)	KH 2025 (Tỷ đồng)	TH 2025 (Tỷ đồng)	So sánh (%)	
				TH-2025/ TH-2024	TH-2025/ KH-2025
Tổng Doanh thu	2.221	1.479	2.121	95%	143%
Tổng chi phí	1.545	469	808	52%	172%
Lợi nhuận trước thuế	674	1.008	1.313	195%	130%



Năm 2025, các kế hoạch kinh doanh do ĐHĐCĐ đề ra đều được Công ty hoàn thành vượt chỉ tiêu nhờ việc ứng phó với tình hình của thị trường một cách hiệu quả thông qua việc đẩy mạnh hoạt động tư vấn tài chính cũng như và kinh doanh trái phiếu. Ngoài ra, mảng môi giới chứng khoán truyền thống và cho vay margin của Công ty cũng đang tăng trưởng đều và bền vững từ giữa năm.

2. Các hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025

Năm 2025, HĐQT Công ty đã tích cực triển khai các hoạt động thuộc chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT. HĐQT thường xuyên tổ chức các kỳ họp định kỳ và bất thường phù hợp với yêu cầu quản lý; các cuộc họp đều được chuẩn bị kỹ lưỡng về nội dung, đảm bảo tuân thủ trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật và nội bộ Công ty. HĐQT luôn bám sát tình hình hoạt động kinh doanh, các vấn đề trọng yếu và định hướng chiến lược nhằm đưa ra các quyết định kịp thời, góp phần thúc đẩy sự phát triển của HDS.

Song song đó, nhằm tiệm cận các thông lệ quản trị tiên tiến và nâng cao hiệu quả hoạt động của HĐQT, trong năm 2025, HĐQT đã kiện toàn mô hình quản trị thông qua việc thành lập các Hội đồng/Ủy ban trực thuộc bao gồm: Hội đồng nhân sự, Hội đồng công nghệ và Hội đồng đầu tư. Các Hội đồng này được giao chức năng tham mưu, tư vấn chuyên sâu và thực hiện vai trò rà soát, đánh giá độc lập đối với các lĩnh vực phụ trách; đồng thời HĐQT cũng thực hiện phân quyền hợp lý cho các Ủy ban này trong phạm vi được giao, qua đó nâng cao chất lượng ra quyết định, tăng cường tính minh bạch và hiệu quả quản trị chung của Công ty.

Các vấn đề trọng yếu đã được HĐQT thông qua trong năm 2025 như sau:

Số TT/ NQ	Ngày	Nội dung nghị quyết	Tỷ lệ thông qua
1	08/01/2025	Triển khai phương án tăng vốn	100%
2	23/01/2025	Thông qua hợp đồng, giao dịch với người có liên quan	100%
3	01/03/2025	Quy định về mở tài khoản, vay vốn và đầu tư	100%
4	12/03/2025	Cung cấp dịch vụ và đầu tư kinh doanh cổ phiếu ưu đãi	100%
5	13/03/2025	Kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2025	100%
6	19/03/2025	Vay vốn tại ngân hàng	100%
7	31/03/2025	Miễn nhiệm Trưởng ban Kiểm toán nội bộ	100%
8	22/04/2025	Bầu các chức danh trong HĐQT nhiệm kỳ 2025 - 2030	100%
9	25/04/2025	Cung cấp dịch vụ và đầu tư kinh doanh trái phiếu	100%
10	29/04/2025	Quy định về chế độ thù lao của HĐQT, BKS	100%
11	29/04/2025	Phân chia thù lao HĐQT, BKS theo ủy quyền của ĐHĐCĐ	100%
12	29/04/2025	Sửa đổi, bổ sung Quy chế tiền lương	100%
13	23/05/2025	Tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	100%
14	30/05/2025	Vay vốn tại ngân hàng	100%
15	18/06/2025	Nâng cấp hệ thống giao dịch trái phiếu (Neobond)	100%
16	23/06/2025	Cung cấp dịch vụ và đầu tư kinh doanh trái phiếu	100%
17	17/07/2025	Ký hợp đồng kiểm toán 2025	100%
18	26/07/2025	Mua sắm thiết bị tường lửa	100%
19	17/07/2025	Phân cấp hạn mức phê duyệt mua bán giấy tờ có giá	100%
20	11/09/2025	Chốt danh sách cổ đông lấy ý kiến bằng văn bản	100%

C
T
H
A
K
H
C
T

Số TT/ NQ	Ngày	Nội dung nghị quyết	Tỷ lệ thông qua
21	12/09/2025	Thông qua chủ trương góp vốn vào công ty sàn giao dịch tài sản mã hóa	100%
22	15/10/2025	Triển khai chào bán cho cổ đông hiện hữu	100%
23	15/10/2025	Thông qua hồ sơ chào bán cổ phiếu	100%
24	17/10/2025	Chốt danh sách cổ đông lấy ý kiến bằng văn bản	100%
25	28/10/2025	Dừng triển khai chào bán cho cổ đông hiện hữu	100%
26	03/11/2025	Thay đổi chức danh Phó Tổng Giám đốc	100%
27	07/11/2025	Triển khai chào bán cho cổ đông hiện hữu	100%
28	07/11/2025	Thông qua hồ sơ chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	100%
29	10/11/2025	Triển khai phương án chia cổ tức	100%
30	10/11/2025	Thông qua hồ sơ chia cổ tức	100%
31	12/11/2025	Cung cấp dịch vụ và đầu tư kinh doanh trái phiếu	100%
32	21/11/2025	Thay đổi mức phí dịch vụ kiểm toán	100%
33	19/12/2025	Chấp thuận đơn từ nhiệm của Phó Tổng Giám đốc phụ trách vận hành	100%
34	23/12/2025	Bổ nhiệm phụ trách Kiểm toán nội bộ	100%
35	23/12/2025	Thông qua kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2026	100%
36	27/12/2025	Cung cấp dịch vụ liên quan đến Trái phiếu	100%
37	29/12/2025	Thay đổi cơ cấu nhân sự đối với các Hội đồng trực thuộc Hội đồng quản trị	100%
38	29/12/2025	Thành lập Hội đồng nhân sự	100%
39	29/12/2025	Thành lập Hội đồng công nghệ	100%
40	30/12/2025	Cung cấp dịch vụ và đầu tư kinh doanh trái phiếu	100%

3. Báo cáo về các giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ.

Các giao dịch này đã được Công ty công bố trong Báo cáo tài chính năm 2025 đã kiểm toán. Nội dung các giao dịch chủ yếu về cung cấp dịch vụ tài chính, giao dịch mua bán chứng khoán... Các giao dịch đã được công bố và chấp thuận đầy đủ theo quy định của Điều lệ Công ty.

4. Tình hình triển khai công việc theo Nghị quyết ĐHĐCĐ

Hoạt động của HĐQT năm 2025 đã bám sát các nội dung mà Đại hội đồng cổ đông giao phó trong các Nghị quyết. Tình hình triển khai Nghị quyết ĐHĐCĐ tại ĐHĐCĐ thường niên 2025, ĐHĐCĐ bất thường/lấy ý kiến bằng văn bản đã được HĐQT thực hiện như sau:

- Tháng 7/2025, căn cứ ủy quyền của ĐHĐCĐ, HĐQT đã quyết định lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam là đơn vị thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính của HDS trong năm 2025.
- HĐQT đã triển khai phương án tăng vốn điều lệ năm 2025 được ĐHĐCĐ thông qua tại Nghị quyết số 05/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 07/11/2025, trong đó thực hiện song song 2 thủ tục chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và phát hành cổ phiếu để trả cổ tức. Hiện hồ sơ tăng vốn đã được kiện toàn và nộp lên Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chờ phê duyệt chính thức trước khi triển khai chào bán/ phát hành.

10/11/2025

5. Kết quả giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc

- HĐQT luôn bám sát các hoạt động kinh doanh của Công ty, trực tiếp đề ra các chủ trương, nghị quyết và quyết định nhằm chỉ đạo kịp thời, tạo điều kiện thuận lợi cho Ban Tổng Giám đốc trong việc điều chỉnh các hoạt động kinh doanh của Công ty cho phù hợp với tình hình thực tế;
- Chỉ đạo, giám sát Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện chế độ, chính sách, các quy định của Nhà nước đối với người lao động để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của cán bộ nhân viên.

6. Hoạt động của HĐQT đối với cổ đông, Ban kiểm soát

- Trong quan hệ với cổ đông:
 - Giám sát, chỉ đạo việc thực hiện chế độ báo cáo, công bố thông tin định kỳ, bất thường cũng như các hoạt động của Công ty tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán theo quy định nhằm thông tin kịp thời các hoạt động, sự kiện của Công ty đến với các cổ đông;
 - Triển khai các công việc liên quan đến tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông, lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- Trong công tác phối hợp với Ban kiểm soát:
 - Trong các cuộc họp của HĐQT đều có ít nhất 1 thành viên Ban Kiểm soát tham gia. Các tờ trình, nghị quyết của HĐQT đều được gửi tới Ban kiểm soát để tạo thuận lợi cho công việc của thành viên Ban kiểm soát.
 - Các công việc mang tính chuyên môn, nghiệp vụ của Ban kiểm soát cũng được HĐQT tạo điều kiện và chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin, tài liệu.

7. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của HĐQT và từng thành viên HĐQT

Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của từng thành viên HĐQT đã được công bố thành từng mục riêng tại Báo cáo tài chính năm 2025 đã kiểm toán và được báo cáo tại Đại hội này.

8. Phương hướng hoạt động của HĐQT năm 2026

Năm 2026, trên cơ sở kế thừa các kết quả đã đạt được trong năm 2025, HĐQT sẽ tiếp tục thực hiện vai trò định hướng chiến lược và giám sát, tập trung chỉ đạo hoạt động của Công ty theo các nguyên tắc và định hướng trọng yếu sau:

- Củng cố và nâng cao giá trị thương hiệu; tăng cường quan hệ với cổ đông, đảm bảo tính minh bạch và nâng cao chất lượng công bố thông tin;
- Hoàn thiện chiến lược phát triển trung và dài hạn, gắn với mục tiêu tăng trưởng bền vững và quản trị rủi ro hiệu quả;
- Định hướng phát triển các sản phẩm, dịch vụ có hàm lượng công nghệ cao (Blockchain, tài sản số...) phù hợp với quy định pháp luật và xu hướng thị trường;
- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; phát triển hệ sinh thái sản phẩm, dịch vụ và tối ưu hóa trải nghiệm khách hàng;
- Định hướng hoàn thiện và giám sát hiệu quả hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và tuân thủ, đảm bảo phù hợp với quy mô và mức độ phát triển của Công ty;
- Xem xét, phê duyệt các chính sách, quy chế quan trọng và giám sát việc rà soát, hoàn thiện hệ thống quy trình nội bộ nhằm nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp;
- Đẩy mạnh vai trò giám sát và định hướng của HĐQT, đồng thời tăng cường phân cấp, phân quyền hợp lý cho Ban Tổng Giám đốc trong tổ chức triển khai hoạt động kinh doanh, đảm bảo rõ ràng về trách nhiệm và phù hợp với các thẩm quyền đã được ĐHCĐ và HĐQT giao;
- Phát huy vai trò của các Ủy ban/Hội đồng trực thuộc HĐQT trong việc tham mưu chuyên sâu, rà soát và đánh giá độc lập, qua đó nâng cao chất lượng ra quyết định và hiệu quả quản trị chung của Công ty.

Trên đây là báo cáo về tình hình hoạt động trong năm 2025 và phương hướng nhiệm vụ hoạt động năm 2026 của HĐQT. HĐQT đề nghị Đại hội đồng cổ đông biểu dương tinh thần đoàn kết và sự cố gắng của toàn Công ty đã hoàn thành các nhiệm vụ và kế hoạch năm 2025. Đồng thời trong năm 2026, HĐQT sẽ tiếp tục nỗ lực cùng Ban Tổng Giám đốc và tập thể cán bộ nhân viên trong Công ty nâng cao hiệu quả hoạt động và hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch mà ĐHĐCĐ giao phó.

Kính chúc quý vị sức khỏe, thành công. Chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

Trân trọng cảm ơn.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch

Nguyễn Cảnh Vinh



TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2025

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán HD (HDS);

Kính thưa Đại hội!

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty Cổ phần Chứng khoán HD, đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Báo cáo tài chính năm 2025 đã được công bố thông tin theo quy định, đồng thời được đăng tải trên website của Công ty (www.hdbs.vn), bao gồm:

1. Báo cáo kiểm toán độc lập;
2. Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31/12/2025;
3. Báo cáo kết quả kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025;
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025;
5. Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025;
6. Thuyết minh báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trong đó, một số chỉ tiêu cơ bản trong Báo cáo tài chính năm 2025 gồm:

STT	Các chỉ tiêu chủ yếu	Đơn vị tính	Giá trị
1	Tổng Tài sản	đồng	5.949.234.995.552
2	Tổng Doanh thu	đồng	2.121.751.321.146
3	Tổng Chi phí	đồng	808.229.400.113
4	Lợi nhuận trước thuế	đồng	1.313.521.921.032
5	Lợi nhuận sau thuế	đồng	1.036.850.223.167

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch

Nguyễn Cảnh Vinh

TỜ TRÌNH**V/v: Thông qua việc phân phối lợi nhuận năm 2025**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán HD (HDS);

Kính thưa Đại hội!

Căn cứ vào kết quả kinh doanh và Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2025, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc phân phối lợi nhuận năm 2025 của Công ty Cổ phần Chứng khoán HD như sau:

Chi tiêu	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế <i>Đơn vị: %</i>	Giá trị <i>Đơn vị: đồng</i>
1. Lợi nhuận sau thuế năm 2025	100%	1.036.850.223.167
2. Trích lập các Quỹ của Công ty (*)	0%	-
3. Lợi nhuận giữ lại	100%	1.036.850.223.167

(*) HDS không trích lợi nhuận năm 2025 vào các Quỹ của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.



Nguyễn Cảnh Vinh

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua Kế hoạch kinh doanh năm 2026

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán HD (HDS);

Kính thưa Đại hội!

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Kế hoạch kinh doanh năm 2026 của Công ty Cổ phần Chứng khoán HD với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị
1. Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	4.747
2. Tổng Chi phí	Tỷ đồng	1.092
3. Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	3.375

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.



Nguyễn Cảnh Vinh

TỜ TRÌNH

V/v: Phương án chi trả thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán HD (HDS);

Kính thưa Đại hội!

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông phương án chi trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát như sau:

1. Phê duyệt việc chi trả thù lao trong năm 2025

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt việc chi trả thù lao trong năm 2025 cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát như sau:

STT	Thù lao	Số tiền (đồng)
1	Các thành viên Hội đồng quản trị	11.352.147.031
2	Các thành viên Ban Kiểm soát	766.769.043
Tổng cộng		12.118.916.074

2. Phương án chi trả thù lao trong năm 2026

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tổng mức chi trả thù lao năm 2026 cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát cụ thể như sau:

STT	Thù lao	Số tiền (đồng)
1	Các thành viên Hội đồng quản trị	20.000.000.000
2	Các thành viên Ban Kiểm soát	

3. Kế hoạch thưởng bổ sung trong trường hợp Công ty vượt Kế hoạch kinh doanh

Trường hợp Lợi nhuận trước thuế năm 2026 của HDS vượt từ 10% so với Kế hoạch kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua thì ngoài thù lao, HĐQT được thưởng bổ sung với mức thưởng không được vượt quá 10% của phần chênh lệch Lợi nhuận trước thuế với Kế hoạch kinh doanh.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua; đồng thời, giao và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định và phân chia mức thù lao, thưởng bổ sung (nếu có) cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát tùy vào chức năng, nhiệm vụ của từng vị trí.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch

Nguyễn Cảnh Vinh

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HD
QUẬN 1 - T.P. HỒ CHÍ MINH

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 04 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua danh sách tổ chức kiểm toán và ủy quyền lựa chọn tổ chức kiểm toán cho năm tài chính 2026

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán HD (HDS);
- Căn cứ đề xuất của Ban Kiểm soát HDS;

Kính thưa Đại hội!

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua danh sách các tổ chức kiểm toán đủ điều kiện để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty, bao gồm:

- Công ty TNHH PwC (Việt Nam)
- Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam
- Công ty TNHH KPMG Việt Nam
- Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
- Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC
- Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISC.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua; đồng thời giao và ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một trong các đơn vị nói trên để thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính của HDS trong năm 2026.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch



Nguyễn Cảnh Vinh

TỜ TRÌNH (sửa đổi, bổ sung)

V/v: Thông qua Đơn xin thôi tham gia Hội đồng quản trị và Bầu bổ sung thành viên HĐQT trong thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2025 – 2030

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán HD (HDS);
- Căn cứ Đơn xin thôi tham gia Hội đồng quản trị của Bà Nguyễn Thị Tích ngày 10/04/2026.

Kính thưa Đại hội!

Sau thời điểm Công ty công bố tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 ngày 02/04/2026, Hội đồng quản trị đã nhận được Đơn xin thôi tham gia Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2025 – 2030 của Bà Nguyễn Thị Tích ngày 10/04/2026 vì lý do sức khỏe và để thực hiện các nhiệm vụ công tác khác trong thời gian tới.

Căn cứ theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty, để đáp ứng nhu cầu kiện toàn và tăng cường năng lực quản trị, điều hành của Hội đồng quản trị nhằm đáp ứng định hướng phát triển và yêu cầu quản trị của Công ty trong giai đoạn tới.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung sau:

1. Thông qua Đơn xin thôi tham gia Hội đồng quản trị

Trên cơ sở Đơn xin thôi tham gia HĐQT của Bà Nguyễn Thị Tích, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua việc Bà Nguyễn Thị Tích thôi giữ chức vụ Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2025 - 2030.

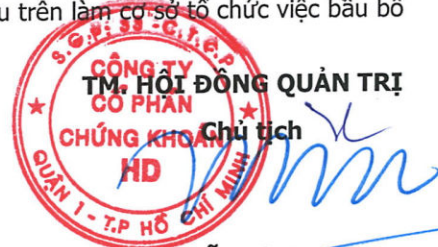
2. Bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2025 – 2030

- Số lượng bầu bổ sung: 01
- Ứng cử viên được ứng cử/đề cử:
 - Thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
 - Bao gồm các ứng cử viên hợp lệ được cổ đông/nhóm cổ đông đề cử, ứng cử tại Đại hội.
- Danh sách ứng cử viên bầu vào HĐQT được công bố theo đúng quy định Công ty và quy định pháp luật.

3. Thông qua Quy chế bầu cử

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua Quy chế bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2025 – 2030 (đính kèm), làm cơ sở tổ chức việc đề cử, ứng cử, bầu cử và kiểm phiếu tại Đại hội theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua các nội dung nêu trên làm cơ sở tổ chức việc bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị tại Đại hội.



Nguyễn Cảnh Vinh

**QUY CHẾ BẦU BỔ SUNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG THỜI GIAN CÒN LẠI CỦA
NHIỆM KỲ 2025 – 2030**

**TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HD**

Điều 1. Cơ sở ban hành Quy chế

1. Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
2. Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
3. Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Chứng khoán HD.

Điều 2. Mục đích, phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này được xác lập nhằm quy định cụ thể các nguyên tắc, phương thức cho việc đề cử, ứng cử và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) của Công ty Cổ phần Chứng khoán HD (HDS) tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 (ĐHĐCĐ 2026).
2. Quy chế này áp dụng đối với tất cả cổ đông sở hữu cổ phần của HDS (theo danh sách chốt tại ngày 30/03/2026) và/hoặc người đại diện theo ủy quyền hợp lệ của cổ đông có mặt tại ĐHĐCĐ 2026.

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông, đại diện theo ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ 2026

1. Mỗi cổ đông, đại diện theo ủy quyền khi đến tham dự ĐHĐCĐ 2026 đều được nhận một phiếu bầu cử HĐQT, trên phiếu ghi rõ số lượng cổ phần mà cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông đó nắm giữ và số phiếu biểu quyết tương ứng được sử dụng để bầu cử.
2. Cổ đông phải tuân thủ các điều kiện và thể thức quy định tại Quy chế này và sự hướng dẫn của Ban bầu cử và kiểm phiếu, Chủ tọa Đại hội.

Điều 4. Số lượng, tiêu chuẩn thành viên HĐQT

1. Số thành viên HĐQT dự kiến bầu bổ sung trong thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2025 - 2030 là: 01 thành viên.
2. Tiêu chuẩn và điều kiện trở thành thành viên HĐQT:
 - a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;
 - b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc kinh nghiệm trong lĩnh vực chứng khoán, tài chính, ngân hàng và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty;
 - c. Không phải là Giám đốc (Tổng Giám đốc), thành viên HĐQT, thành viên Hội đồng thành viên của công ty chứng khoán khác tại Việt Nam; không được đồng thời làm thành viên HĐQT và HĐQTV của trên 05 (năm) công ty khác;
 - d. Không từng là thành viên HĐQT hoặc đại diện theo pháp luật của một công ty bị phá sản hoặc bị cấm hoạt động do những vi phạm pháp luật nghiêm trọng.

Điều 5. Quyền đề cử, ứng cử làm thành viên HĐQT

1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng cổ đông lại với nhau để đề cử các ứng cử viên HĐQT. Số lượng ứng cử viên mà mỗi nhóm có quyền đề cử phụ thuộc vào số lượng ứng cử viên do Đại hội quyết định và tỷ lệ sở hữu cổ phần của mỗi nhóm. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ tính đến ngày chốt danh sách cổ đông.
2. Theo quy định tại Điều lệ Công ty, việc đề cử người vào HĐQT thực hiện theo cơ chế sau:



- a. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một thành viên;
 - b. Từ 20% đến dưới 30% được đề cử hai thành viên;
 - c. Từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba thành viên;
 - d. Từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn thành viên;
 - e. Và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng cử viên;
3. Trường hợp số lượng ứng cử viên được cổ đông, nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử thì số ứng cử viên còn lại do HĐQT, BKS và các cổ đông khác đề cử.

Điều 6. Hồ sơ tham gia đề cử, ứng cử để bầu bổ sung vào thành viên HĐQT

1. Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử ứng cử viên để bầu bổ sung vào HĐQT bao gồm:
 - a. Đơn ứng cử hoặc Đơn đề cử ứng cử viên tham gia HĐQT;
 - b. Bảng thông tin cá nhân do ứng cử viên tự khai;
 - a. Bản sao CCCD, các bằng cấp chứng nhận trình độ học vấn/ chuyên môn của ứng cử viên (nếu có);
 - b. Giấy ủy quyền và/hoặc Biên bản họp nhóm (nếu ứng cử viên được nhóm ủy quyền ứng cử).
2. Hồ sơ đề cử, ứng cử phải được gửi tới HDS chậm nhất trước 16h00 ngày 21/04/2026 theo địa chỉ sau:
 - Văn phòng Hội đồng quản trị HDS
 - Địa chỉ: Số 23A-B Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.
3. Trường hợp hồ sơ gửi là bản fax, scan thì phải gửi lại bản gốc khi đăng ký tham dự Đại hội trước khi Đại hội bắt đầu.
4. Chỉ những hồ sơ đề cử/ ứng cử đáp ứng đủ điều kiện đề cử, ứng cử và những ứng cử viên đáp ứng đủ điều kiện tương ứng của thành viên HĐQT mới được đưa vào danh sách ứng cử viên công bố tại ĐHĐCĐ 2026.

Điều 7. Lựa chọn các ứng cử viên

Dựa trên các Đơn đề cử, ứng cử của các cổ đông, nhóm cổ đông và các hồ sơ kèm theo của các ứng cử viên, Ban tổ chức ĐHĐCĐ 2026 sẽ lập danh sách các ứng cử viên đáp ứng đủ điều kiện quy định để bầu thành viên HĐQT.

Điều 8. Nguyên tắc bầu cử

1. Tuân thủ pháp luật hiện hành về doanh nghiệp tại Việt Nam;
2. Bảo đảm tính công khai, dân chủ và quyền lợi hợp pháp của tất cả cổ đông.

Điều 9. Người có quyền bầu cử

Người có quyền bầu cử tại ĐHĐCĐ 2026 là các cổ đông sở hữu cổ phần hoặc người được cổ đông sở hữu cổ phần ủy quyền tham dự (theo danh sách cổ đông chốt ngày 30/03/2026) có mặt tại ĐHĐCĐ 2026.

Điều 10. Hình thức và phương thức bầu cử

1. Việc bầu cử thành viên HĐQT của HDS sẽ được thực hiện theo hình thức trực tiếp, bỏ phiếu kín tại ĐHĐCĐ 2026 theo phương thức bầu dồn phiếu.
2. Sau khi ĐHĐCĐ 2026 thông qua danh sách các ứng cử viên bầu thành viên HĐQT và thông qua các thủ tục bầu cử, mỗi đại biểu tham dự Đại hội sẽ được Ban tổ chức phát phiếu bầu thành viên HĐQT. Đại biểu có trách nhiệm kiểm tra thông tin trên phiếu bầu, nếu có sai sót phải báo ngay cho Ban tổ chức.
3. Trên phiếu ghi rõ danh sách các ứng cử viên được sắp xếp theo thứ tự ABC, số cổ phần sở hữu/hoặc đại diện, số phiếu biểu quyết, có đóng dấu treo của HDS.
4. Mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu (bao gồm cả số cổ

phần sở hữu, và/hoặc được ủy quyền) nhân với số lượng thành viên được bầu của HĐQT. Cụ thể theo công thức sau:

Tổng số phiếu biểu quyết = Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết × Số thành viên được bầu

5. Cổ đông có quyền dồn hết tổng số quyền biểu quyết của mình cho một ứng cử viên hoặc phân chia tổng số phiếu của mình cho một số ứng cử viên.
6. Tổng số phiếu biểu quyết cho các ứng cử viên của một cổ đông không được vượt quá tổng số phiếu biểu quyết được phép của cổ đông đó (bằng số cổ phần nhân với số thành viên được bầu).

Điều 11. Phiếu bầu và ghi phiếu bầu

1. Phiếu bầu:

- a. Phiếu bầu do HDS phát hành, được in thống nhất, có dấu treo của HDS, thông tin của cổ đông, tổng số cổ phần sở hữu/được ủy quyền đại diện và tổng số quyền biểu quyết;
- b. Cổ đông/ đại diện ủy quyền được phát phiếu bầu thành viên HĐQT;
- c. Cổ đông hoặc đại diện cổ đông khi được phát phiếu bầu phải kiểm tra lại các thông tin ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót, cổ đông phải thông báo ngay cho Ban bầu cử và kiểm phiếu để đổi phiếu bầu khác.

2. Cách ghi phiếu bầu:

- a. Cổ đông/ đại diện ủy quyền của cổ đông bầu số ứng cử viên tối đa bằng số lượng cần bầu vào thành viên HĐQT;
- b. Nếu bầu dồn toàn bộ phiếu cho một ứng cử viên hoặc chia đều phiếu bầu của mình cho nhiều ứng cử viên, cổ đông/ đại diện ủy quyền của cổ đông đánh dấu vào ô "Bầu dồn đều phiếu" của ứng cử viên tương ứng, số phiếu bầu sẽ được dồn toàn bộ cho một ứng cử viên (trường hợp chọn một ứng cử viên) hoặc chia đều cho các ứng cử viên được chọn (trường hợp chọn nhiều ứng cử viên).
- c. Khi cổ đông/ đại diện ủy quyền của cổ đông đánh dấu vào ô "Bầu dồn đều phiếu" số phiếu biểu quyết sẽ được chia đều cho các ứng cử viên được chọn và lúc này số phiếu mỗi ứng cử viên được nhận sẽ được làm tròn xuống hàng đơn vị, phần thập phân lẻ nếu có phát sinh sẽ tự động xóa bỏ.
- d. Nếu bầu số phiếu không đều nhau cho nhiều ứng cử viên, cổ đông/ đại diện ủy quyền của cổ đông ghi rõ số phiếu biểu quyết cụ thể vào ô "Số phiếu biểu quyết" của các ứng cử viên tương ứng. Các ứng cử viên không được lựa chọn thì cổ đông/ đại diện ủy quyền của cổ đông điền số "0" vào cột "Số phiếu biểu quyết".
- e. Trong trường hợp đại biểu vừa đánh dấu vào ô "Bầu dồn đều phiếu" vừa ghi số lượng vào ô "Số phiếu biểu quyết" thì kết quả được lấy theo số lượng phiếu bầu tại ô "Số phiếu biểu quyết".
- f. Tổng số phiếu biểu quyết cho ứng cử viên của một cổ đông/ đại diện ủy quyền của cổ đông không được vượt quá tổng số phiếu biểu quyết được phép của cổ đông / đại diện ủy quyền của cổ đông đó (bằng số cổ phần nhân với số thành viên được bầu).
- g. Trường hợp ghi sai, cổ đông đề nghị Ban tổ chức đổi phiếu bầu khác.
- h. Cổ đông/ đại diện ủy quyền của cổ đông phải ký và ghi rõ họ tên dưới phiếu bầu để xác nhận.

3. Phiếu hợp lệ khi có đủ các điều kiện sau đây:

- a. Phiếu bầu cho ứng cử viên có tên trong danh sách và trong phạm vi số lượng thành viên cần bầu đã được ĐHĐCĐ 2026 thông qua;
- b. Tổng số lượng phiếu bầu nhỏ hơn hoặc bằng tổng số phiếu biểu quyết được phép của cổ đông đó (bằng số cổ phần nhân với số thành viên được bầu);
- c. Không thuộc trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều này.

4. Phiếu bầu không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau:

- a. Phiếu không do HDS phát hành và/hoặc không có dấu của HDS;

11
T
1
3
1
1

- b. Phiếu gạch xoá, sửa chữa, bổ sung các nội dung không theo quy định (trường hợp viết sai phải đổi lại phiếu mới);
- c. Phiếu có ghi thêm hoặc ghi tên không đúng, không thuộc danh sách ứng cử viên đã được ĐHĐCD 2026 thống nhất thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu;
- d. Phiếu có tổng số quyền đã biểu quyết cho những ứng cử viên vượt quá tổng số quyền được biểu quyết của cổ đông đó (bao gồm quyền sở hữu và được ủy quyền);
- e. Phiếu không ký tên và ghi rõ họ tên của cổ đông/ đại diện ủy quyền của cổ đông;
- f. Phiếu bầu cho nhiều ứng cử viên hơn số lượng cần bầu;
- g. Phiếu không ghi số lượng phiếu bầu cho bất kỳ ứng cử viên nào.

Điều 12. Bỏ phiếu và kiểm phiếu

1. Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu cử được hoàn tất và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu;
2. Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông;
3. Các cổ đông chỉ bỏ phiếu vào hòm phiếu đã được niêm phong do Ban bầu cử và kiểm phiếu giám sát;
4. Việc kiểm phiếu phải được Ban kiểm phiếu tiến hành tại phòng bỏ phiếu ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc; Trước khi mở thùng phiếu, Ban kiểm phiếu phải thống kê và niêm phong số phiếu không sử dụng. Ban kiểm phiếu không được gạch xoá, sửa chữa trên phiếu bầu.

Điều 13. Nguyên tắc xác định kết quả bầu cử

1. Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu biểu quyết tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu biểu quyết cao nhất cho đến khi đủ số lượng thành viên mà ĐHĐCD 2026 đã biểu quyết.
2. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu biểu quyết như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì người nào sở hữu hoặc đại diện cho cổ đông sở hữu nhiều cổ phần hơn sẽ được chọn.
3. Nếu số cổ phần sở hữu hoặc đại diện cho cổ đông sở hữu cùng bằng nhau hoặc tất cả các ứng cử viên đó không phải là cổ đông của HDS thì sẽ tổ chức bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu biểu quyết ngang nhau để lựa chọn.

Điều 14. Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu

1. Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu.
2. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Thời gian, địa điểm lập Biên bản kiểm phiếu;
 - b. Thành phần Ban kiểm phiếu;
 - c. Mục đích, nội dung bỏ phiếu;
 - d. Tổng số cổ đông có mặt và đại diện được ủy quyền bầu cử tại Đại hội; tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia bầu cử, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia bầu cử;
 - e. Kết quả bầu cử;
 - f. Chữ ký của các thành viên Ban kiểm phiếu.
3. Toàn văn Biên bản kiểm phiếu phải được Ban kiểm phiếu công bố trước Đại hội và được ghi nhận vào Nghị quyết của Đại hội.

Điều 15. Hiệu lực

Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được ĐHĐCĐ 2026 thông qua và áp dụng cho việc bầu bổ sung thành viên HĐQT trong thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2025 - 2030 tại Đại hội này.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch 


Nguyễn Cảnh Vinh



TỜ TRÌNH

V/v: **Phê duyệt phương án phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán IID (HDS);

Nhằm thực hiện chiến lược phát triển trung và dài hạn của Công ty, đáp ứng nhu cầu tăng vốn điều lệ để nâng cao năng lực tài chính và mở rộng hoạt động kinh doanh, đồng thời từng bước triển khai việc đưa cổ phiếu của Công ty vào giao dịch/niêm yết trên thị trường chứng khoán, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua việc chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng với các nội dung sau:

I. Thông qua kế hoạch tăng vốn điều lệ của Công ty thông qua chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng và Phương án phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng ("Phương Án Phát Hành"):

1. Đại hội đồng cổ đông ("ĐHĐCĐ") phê duyệt việc Công ty tăng vốn điều lệ thông qua chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng ("Đợt Chào Bán") được quy định chi tiết tại Phương Án Phát Hành.
2. ĐHĐCĐ phê duyệt toàn văn nội dung Phương Án Phát Hành được đính kèm tại Phụ lục I của Nghị quyết này.

II. Thông qua việc đăng ký, lưu ký tập trung, đăng ký niêm yết cổ phiếu:

ĐHĐCĐ phê duyệt việc toàn bộ cổ phiếu của Công ty sẽ được đăng ký, lưu ký tập trung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam ("VSDC") và đăng ký niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh ("HOSE") theo quy định tại Phương Án Phát Hành và pháp luật hiện hành. Trong trường hợp sau khi kết thúc Đợt Chào Bán mà Công ty không đáp ứng điều kiện về việc niêm yết cổ phiếu theo quy định của pháp luật hiện hành, Công ty cam kết sẽ triển khai thực hiện việc đăng ký giao dịch cổ phiếu trên hệ thống giao dịch UPCoM theo quy định pháp luật.

III. Thông qua quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa và phương án đảm bảo việc phát hành Cổ Phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài:

ĐHĐCĐ phê duyệt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty là **100%** (một trăm phần trăm) và ủy quyền cho HĐQT thực hiện các công việc cần thiết đảm bảo việc chào bán Cổ Phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, điều chỉnh tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa phù hợp với nhu cầu thay đổi của Công ty và yêu cầu của pháp luật hiện hành (nếu có) và thực hiện thủ tục thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN").

Để đảm bảo đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa, việc Nhà đầu tư nước ngoài tham gia Đợt Chào Bán phải đáp ứng các điều kiện theo quy định pháp luật và theo nguyên tắc sau:

- Nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức đáp ứng điều kiện quy định tại Khoản 2 Điều 77 Luật Chứng Khoán và người có liên quan được sở hữu đến 100% vốn điều lệ của Công ty. Trường hợp không đáp ứng quy định tại Khoản 2 Điều 77 Luật Chứng Khoán, Nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức và người có liên quan chỉ được sở hữu đến 49% vốn điều lệ của Công ty;
- Nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân và người có liên quan được sở hữu đến 49% vốn điều lệ của Công ty; và



- Nhà đầu tư nước ngoài là cổ đông, thành viên góp vốn sở hữu từ 10% trở lên vốn điều lệ của một công ty chứng khoán và người có liên quan của họ (nếu có), không sở hữu trên 5% vốn điều lệ của Công ty theo Điểm c Khoản 2 Điều 74 Luật Chứng Khoán.

IV. Thông qua việc triển khai thực hiện

ĐHĐCĐ phê duyệt việc giao và ủy quyền cho HĐQT, trong phạm vi Phương Án Phát Hành được phê duyệt, thực hiện các công việc sau:

- a) Thương lượng và quyết định các vấn đề liên quan đến Đợt Chào Bán, bao gồm nhưng không giới hạn ở các công việc sau đây:
 - Quyết định triển khai phương án chào bán chi tiết, bao gồm giá chào bán, thời điểm chào bán, các chi phí có liên quan đến Đợt Chào Bán và các vấn đề khác liên quan đến Đợt Chào Bán;
 - Thương lượng và quyết định các vấn đề liên quan đến việc sử dụng vốn thu được từ Đợt Chào Bán, phân bổ số tiền thu được từ Đợt Chào Bán, cách thức thực hiện cho các mục đích và phương án sử dụng vốn đã được phê duyệt;
 - Quyết định nội dung cụ thể, đàm phán, ký kết và tổ chức thực hiện các hợp đồng, thỏa thuận, văn bản cam kết và tài liệu liên quan đến Đợt Chào Bán, bao gồm nhưng không giới hạn các tài liệu trong danh mục hồ sơ đăng ký chào bán Cổ Phiếu phù hợp với Phương Án Phát Hành; và
 - Quyết định việc sửa đổi, điều chỉnh, giải trình chi tiết hồ sơ đăng ký chào bán phù hợp với tình hình thực tế hoặc theo đề nghị của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nhằm triển khai Phương Án Phát Hành, đảm bảo lợi ích tốt nhất cho các cổ đông, Công ty và phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và Điều Lệ.
- b) Tổ chức triển khai thực hiện các công việc liên quan đến việc đăng ký chào bán Cổ Phiếu lần đầu ra công chúng, bao gồm nhưng không giới hạn ở các công việc sau đây:
 - Thực hiện các thủ tục liên quan đến việc đăng ký chào bán Cổ Phiếu;
 - Làm việc và giải trình với UBCKNN, các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và các đơn vị có liên quan về hồ sơ đăng ký chào bán và các vấn đề khác liên quan đến việc đăng ký chào bán Cổ Phiếu; và
 - Quyết định và thực hiện các công việc mà Công ty thấy cần thiết nhằm thực hiện thành công việc đăng ký chào bán Cổ Phiếu với UBCKNN và chào bán Cổ Phiếu lần đầu ra công chúng.
- c) Tổ chức triển khai thực hiện các công việc cần thiết liên quan đến việc thay đổi vốn điều lệ của Công ty sau khi kết thúc Đợt Chào Bán, bao gồm nhưng không giới hạn ở các công việc sau đây:
 - Điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty;
 - Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty và hồ sơ khác có liên quan (nếu có); và
 - Sửa đổi, bổ sung và ban hành Điều Lệ ghi nhận mức vốn điều lệ mới trên cơ sở tổng mệnh giá số lượng Cổ Phiếu phát hành thành công theo Phương Án Phát Hành và các nội dung thay đổi liên quan khác (nếu có).
- d) Tổ chức triển khai thực hiện các công việc liên quan đến việc đăng ký, lưu ký tập trung cổ phiếu tại VSDC và đăng ký niêm yết hoặc đăng ký giao dịch cổ phiếu ("**Đăng Ký Và Niêm Yết**"), bao gồm nhưng không giới hạn ở các công việc sau đây:
 - Quyết định và ký kết các văn bản, tài liệu nộp cho các cơ quan/tổ chức có thẩm quyền liên quan đến việc Đăng Ký Và Niêm Yết phù hợp với quy định của pháp luật;
 - Làm việc và giải trình với các cơ quan/tổ chức có thẩm quyền về hồ sơ Đăng Ký Và Niêm Yết và các vấn đề khác liên quan đến việc Đăng Ký Và Niêm Yết; và
 - Quyết định và thực hiện các công việc khác mà HĐQT thấy cần thiết nhằm thực hiện thành công việc Đăng Ký Và Niêm Yết.
- e) Quyết định và thực hiện (i) các công việc và thủ tục cần thiết khác nhằm chào bán thành công Cổ Phiếu ra công chúng; (ii) thủ tục thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa cho Công ty theo quy định của pháp luật; (iii) hoàn tất việc Đăng Ký Và Niêm Yết; và (iv) các công việc phát sinh

trong quá trình thực hiện việc chào bán Cổ Phiếu, Đăng Ký Và Niêm Yết và các thủ tục khác liên quan để chào bán và niêm yết thành công Cổ Phiếu.

- f) HĐQT được phép ủy quyền lại cho Chủ tịch HĐQT và/hoặc Tổng Giám đốc thực hiện các công việc nêu trên theo đúng thẩm quyền được quy định tại Điều Lệ.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Chủ tịch

Nguyễn Cảnh Vinh



**PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU LẦN ĐẦU RA CÔNG CHỨNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HD**

Phương án chào bán này ("**Phương Án Phát Hành**") là cơ sở cho việc chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng ("**Đợt Chào Bán**") của Công ty Cổ phần Chứng khoán HD ("**HDS**" hoặc "**Công ty**") theo quy định tại Luật Chứng khoán, Nghị định 155, Nghị định 245, Thông tư 118, Thông tư 115, Thông tư 121 cùng các văn bản sửa đổi, bổ sung của các văn bản pháp luật này.

Tại ngày 07/11/2025, Đại hội đồng cổ đông Công ty (ĐHĐCĐ) đã thông qua Nghị quyết số 05/2025/NQ-ĐHĐCĐ về việc phê duyệt phương án tăng vốn điều lệ năm 2025 theo hình thức chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ sở hữu hiện có để tăng vốn điều lệ và phát hành cổ phiếu để trả cổ tức ("**Đợt Tăng Vốn**"). Hiện Công ty đang triển khai thủ tục đăng ký việc tăng vốn này tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Do đó, các nội dung liên quan đến Phương Án Phát Hành tại Tờ trình này sẽ được trình bày trong tương quan với các nội dung của **Đợt Tăng Vốn**.

Phương Án Phát Hành quy định các nội dung chính của việc chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng của Công ty theo các nội dung trình bày dưới đây:

I. THÔNG TIN ĐỢT CHÀO BÁN

1. Tên Tổ chức phát hành : Công ty Cổ phần Chứng khoán HD
2. Tên cổ phiếu chào bán : Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán HD
3. Loại cổ phiếu : Cổ phiếu phổ thông
4. Mệnh giá cổ phiếu : 10.000 (mười nghìn) đồng/Cổ Phiếu
5. Vốn điều lệ và Số lượng cổ phiếu trước Đợt Chào Bán (tính tại thời điểm thông qua Phương Án Phát Hành này)
 - Vốn điều lệ hiện tại : 1.461.425.710.000 đồng
 - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành : 146.142.571 cổ phiếu
 - Số lượng cổ phiếu quỹ : 0 cổ phiếu
6. Vốn điều lệ và Số lượng cổ phiếu trước Đợt Chào Bán (tính tại thời điểm hoàn tất Đợt Tăng Vốn)
 - vốn điều lệ : Tối đa 10.960.692.830.000 đồng
 - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành : Tối đa 1.096.069.283 cổ phiếu
 - Số lượng cổ phiếu quỹ : 0 cổ phiếu
7. Vốn điều lệ và Số lượng cổ phiếu sau Đợt Chào Bán (trường hợp Đợt Tăng Vốn không được hoàn tất)
 - Vốn điều lệ : Tối đa 3.105.529.630.000 đồng
 - Số lượng cổ phiếu lưu hành : Tối đa 310.552.963 cổ phiếu
 - Số lượng cổ phiếu quỹ : 0 cổ phiếu



8. Vốn điều lệ và Số lượng cổ phiếu sau Đợt Chào Bán (trường hợp Đợt Tăng Vốn được hoàn tất) :
- Vốn điều lệ : Tối đa 12.604.796.740.000 đồng
 - Số lượng cổ phiếu lưu hành : Tối đa 1.260.479.674 cổ phiếu
 - Số lượng cổ phiếu quỹ : 0 cổ phiếu
9. Số lượng cổ phiếu chào bán dự kiến : Tối đa 164.410.392 cổ phiếu
10. Tỷ lệ chào bán :
- Tỷ lệ chào bán so với số lượng cổ phiếu đang lưu hành (tính tại thời điểm thông qua Phương Án Phát Hành này) : Tối đa 112,5000%
 - Tỷ lệ chào bán so với số lượng cổ phiếu đang lưu hành (tính tại thời điểm hoàn tất Đợt Tăng Vốn) : Tối đa 15,0000%
 - Tỷ lệ chào bán so với số lượng cổ phiếu đang lưu hành (tính tại thời điểm hoàn tất Đợt Chào Bán) : Tối đa 13,0435%
11. Hình thức chào bán : Chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng
12. Đối tượng chào bán : Các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước có nhu cầu mua cổ phiếu Công ty và không thuộc các đối tượng bị cấm hoặc hạn chế quyền mua Cổ Phiếu theo quy định của pháp luật hiện hành, Điều Lệ và Phương Án Phát Hành này.
13. Giá chào bán : ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định mức giá chào bán dựa trên Nguyên tắc xác định giá chào bán tại Mục 14 dưới đây và theo tình hình thực tế của thị trường để Đợt Chào Bán thành công và tối đa hóa giá trị vốn huy động từ Đợt Chào Bán.
14. Nguyên tắc xác định giá : Giá chào bán được xác định dựa trên nguyên tắc không thấp hơn giá trị sổ sách của một cổ phiếu của Công ty theo Báo cáo tài chính quý gần nhất đã được Công ty công bố thông tin.
15. Phương thức phân phối : ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT được lựa chọn phương thức phân phối phù hợp với quy định của pháp luật và nhu cầu của Công ty tại thời điểm thực hiện, bao gồm nhưng không giới hạn (i) Công ty phân phối trực tiếp và/hoặc (ii) qua (các) Đại lý phân phối do Công ty chỉ định.
16. Thời gian chào bán dự kiến : Dự kiến từ Quý II/2026 đến Quý IV/2026, sau khi được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng. Thời điểm chào bán cụ thể do HĐQT quyết định phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

17. Phương án đảm bảo đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài : Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty đã được ĐHCĐ thông qua là 100%.

ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT thông qua Phương án đảm bảo việc chào bán Cổ Phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty đã được ĐHCĐ thông qua.

18. Phương án xử lý trong trường hợp cổ phiếu chưa phân phối hết

a) Đối với toàn bộ số Cổ Phiếu chưa phân phối hết trong Đợt Chào Bán (bao gồm số cổ phiếu nhà đầu tư không đăng ký mua, số cổ phiếu nhà đầu tư đã đăng ký mua nhưng không nộp tiền mua, số cổ phiếu lẻ (nếu có)), ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định tiếp tục chào bán cho các nhà đầu tư khác theo quy định của pháp luật hiện hành, Điều Lệ và Phương Án Phát Hành này.

Trong trường hợp HĐQT phân phối tiếp số Cổ Phiếu chưa phân phối hết, ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT:

(i) Xác định lại, danh sách nhà đầu tư được mua và tiếp tục chào bán số Cổ Phiếu chưa phân phối hết cho (các) nhà đầu tư đó; và

(ii) Quyết định điều kiện về quyền, nghĩa vụ của (các) nhà đầu tư này không được thuận lợi hơn và giá chào bán cho (các) nhà đầu tư này không thấp hơn giá đã chào bán cho các nhà đầu tư đã đăng ký tham gia Đợt Chào Bán ban đầu.

b) Số Cổ Phiếu chưa phân phối hết khi được chào bán cho (các) nhà đầu tư xác định nêu trên sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày kết thúc Đợt Chào Bán (trừ trường hợp xử lý cổ phiếu lẻ), đảm bảo tuân thủ theo quy định tại Điều 42 Nghị định 155 và các quy định khác có liên quan của pháp luật hiện hành.

Trong trường hợp hết thời gian phân phối Cổ Phiếu theo quy định pháp luật, bao gồm cả thời gian được UBCKNN gia hạn (nếu có), nếu số lượng Cổ Phiếu vẫn không được phân phối hết cho các nhà đầu tư khác, HĐQT sẽ hủy số lượng Cổ Phiếu không phân phối hết này và điều chỉnh giảm tổng số lượng Cổ Phiếu chào bán theo đúng số lượng Cổ Phiếu thực tế đã được phân phối thành công trong Đợt Chào Bán.

ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT thực hiện các thủ tục để xin gia hạn thời gian chào bán số Cổ Phiếu chưa phân phối hết (nếu cần thiết).

19. Hạn chế chuyển nhượng

a) Toàn bộ số lượng Cổ Phiếu chào bán (không bao gồm số lượng Cổ Phiếu chưa phân phối hết trong Đợt Chào Bán được HĐQT phân phối tiếp theo Mục 18 nêu trên) sẽ được tự do chuyển nhượng; và

b) Số lượng Cổ Phiếu chưa phân phối hết trong Đợt Chào Bán được HĐQT phân phối tiếp theo Mục 18 nêu trên sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày kết thúc Đợt Chào Bán (trừ trường hợp xử lý cổ phiếu lẻ).

II. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Mục đích chào bán

- Nâng cao tiềm lực tài chính và uy tín của Công ty trên thị trường.
- Tăng quy mô vốn để bổ sung cho các hoạt động của Công ty theo phương án sử dụng vốn.

2. Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ Đợt Chào Bán

Tổng số tiền Tổ Chức Phát Hành dự kiến thu được từ Đợt Chào Bán (theo mệnh giá) là 1.644.103.920.000 đồng, cùng với cả nguồn thặng dư (nếu có) từ Đợt Chào Bán, dự kiến được phân bổ sử dụng cho các hoạt động kinh doanh của Công ty phù hợp với mục đích chào bán nêu trên, chi tiết như sau:

STT	Mục đích sử dụng vốn	Kế hoạch sử dụng vốn dự kiến (% số tiền thu được từ Đợt Chào Bán)
1	Bổ sung vốn cho hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ	60%
2	Bổ sung vốn cho hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán	10%
3	Đầu tư giấy tờ có giá	30%
Tổng cộng		100%

Trên cơ sở nguyên tắc phân bổ nêu trên, phụ thuộc vào số tiền thực tế Công ty thu được từ Đợt Chào Bán, ĐHĐCĐ ủy quyền và giao cho HĐQT căn cứ vào tình hình cụ thể của Công ty để xây dựng Phương án sử dụng vốn chi tiết, quyết định việc phân bổ số tiền thu được Đợt Chào Bán, thứ tự ưu tiên sử dụng vốn và/hoặc sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh Phương án sử dụng vốn phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty, kế hoạch phát triển chung của Công ty, đảm bảo lợi ích tối đa cho cổ đông, tuân thủ quy định pháp luật và Điều Lệ. Trong trường hợp có sự điều chỉnh, thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ Đợt Chào Bán, HĐQT bảo đảm thực hiện tuân thủ theo quy định lại Khoản 2 Điều 9 Nghị định 155 và báo cáo lên ĐHĐCĐ tại cuộc họp gần nhất.

10/11/2023

TỜ TRÌNH

V/v: Sửa đổi, bổ sung và ban hành lại Điều lệ và các quy chế quản trị

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán HD (HDS);

Nhằm triển khai chủ trương chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng (IPO) và từng bước đưa Công ty trở thành công ty đại chúng/niêm yết, đồng thời đảm bảo hệ thống quản trị nội bộ của Công ty phù hợp với quy định pháp luật và thông lệ quản trị áp dụng đối với công ty đại chúng, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua các nội dung sau:

I. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung và ban hành lại toàn văn Điều lệ Công ty

Đại hội đồng cổ đông thông qua việc sửa đổi, bổ sung và ban hành lại toàn văn Điều lệ Công ty nhằm:

- Phù hợp với quy định pháp luật hiện hành áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Đáp ứng yêu cầu về quản trị công ty phục vụ việc chào bán cổ phiếu ra công chúng và niêm yết cổ phiếu;
- Hoàn thiện cơ cấu tổ chức, quyền và nghĩa vụ của các cơ quan quản trị trong Công ty.

Nội dung chi tiết của Dự thảo Điều lệ được đăng tải tại website Công ty.

II. Thông qua việc ban hành các Quy chế quản trị nội bộ

Đại hội đồng cổ đông thông qua việc ban hành mới/sửa đổi, bổ sung và ban hành lại toàn văn các quy chế quản trị nội bộ nhằm đáp ứng yêu cầu đối với công ty đại chúng, bao gồm nhưng không giới hạn:

- Quy chế nội bộ về quản trị công ty;
- Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

Nội dung chi tiết của các Dự thảo Quy chế được đăng tải tại website Công ty.

III. Tổ chức thực hiện

1. Đại hội đồng cổ đông giao và ủy quyền cho Hội đồng quản trị:
 - Rà soát, hoàn thiện và ban hành chính thức Điều lệ và các quy chế nêu trên;
 - Quyết định việc điều chỉnh, bổ sung nội dung chi tiết theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền (bao gồm Ủy ban Chứng khoán Nhà nước) nhằm đảm bảo phù hợp với hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng;
 - Triển khai các công việc cần thiết để đưa Điều lệ và các quy chế vào áp dụng đồng bộ với lộ trình IPO.
2. Hội đồng quản trị được phép ủy quyền lại theo quy định tại Điều lệ.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY
CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN
HD
Chủ tịch

Nguyễn Cảnh Vinh

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua chủ trương thành lập tổ chức kinh doanh chứng khoán là Thành viên tại Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Nghị định số 324/2025/NĐ-CP ngày 18/12/2025 về Chính sách tài chính trong Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán HD (HDS);
- Căn cứ Định hướng chiến lược phát triển của Công ty.

Kính thưa Đại hội!

Nhằm thực hiện chiến lược phát triển của Công ty Cổ phần Chứng khoán HD trong giai đoạn mới, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua chủ trương thành lập Tổ chức kinh doanh chứng khoán là Thành viên tại Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam.

I. Lý do và mục đích thành lập

1. Phù hợp với chiến lược mở rộng mạng lưới, tăng tính nhận diện thương hiệu trong nước, khu vực và thế giới.
2. Kênh kết nối giúp xây dựng hệ sinh thái về tài chính, công nghệ và trung gian để kết nối với các định chế tài chính, các nhà đầu tư nước ngoài.
3. Phù hợp với định hướng phát triển trong giai đoạn liên tục của HDS.
4. Đảm bảo hoạt động an toàn, ổn định, phù hợp với định hướng quản lý của Cơ quan có thẩm quyền.



II. Thông tin cơ bản của Tổ chức kinh doanh chứng khoán là Thành viên

1. Tên gọi phù hợp với quy định của pháp luật
2. Vốn điều lệ: Mức vốn điều lệ tối thiểu bằng mức vốn pháp định theo quy định của pháp luật (Sau khi HDS hoàn tất đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và chi trả cổ tức).
3. Trụ sở chính: Tại Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam.
4. Địa vị pháp lý: Là tổ chức kinh doanh chứng khoán trong nước đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Điều 17 Nghị định 324/2025/NĐ-CP ngày 18/12/2025.
5. Phạm vi hoạt động: Được thực hiện tất cả các hoạt động đối với Tổ chức kinh doanh chứng khoán là Thành viên tại Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam.

III. Các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông thông qua

1. Thông qua chủ trương thành lập Tổ chức kinh doanh chứng khoán là Thành viên tại Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam
2. Giao và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định/phê duyệt các nội dung sau:

- Quyết định về tên gọi, vốn điều lệ cụ thể, địa điểm đặt trụ sở chính và các nội dung khác có liên quan để hoàn thành việc thành lập Tổ chức kinh doanh chứng khoán là Thành viên tại Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam để đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật, đảm bảo lợi ích cao nhất của HDS.
- Thực hiện các thủ tục pháp lý cần thiết với cơ quan quản lý trong và ngoài nước (nếu có) và điều chỉnh, hoàn thiện các nội dung liên quan đến thành lập phù hợp với quy định pháp luật và tình hình thực tế;
- Quyết định các vấn đề khác liên quan nhằm triển khai hiệu quả chủ trương đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch

Nguyễn Cảnh Vinh



TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua chủ trương ký kết, thực hiện các Hợp đồng, thỏa thuận, giao dịch với Người có liên quan

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán HD (HDS);

Kính thưa Đại hội!

Nhằm tuân thủ quy định có liên quan của pháp luật và Điều lệ HDS trong việc ký kết, thực hiện các hợp đồng, giao dịch với các bên là Người có liên quan, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua các nội dung sau:

I. Thông qua các hợp đồng, giao dịch có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty (hoặc tỷ lệ khác theo quy định của pháp luật trong từng thời kỳ) hoặc hợp đồng, giao dịch dẫn đến tổng giá trị hợp đồng, giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện hợp đồng, giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên (hoặc tỷ lệ khác theo quy định của pháp luật trong từng thời kỳ) đối với từng đối tượng là Người có liên quan, cụ thể như sau:

1. Đối tượng ký kết hợp đồng, giao dịch với HDS: (i) thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, cổ đông lớn của HDS; (ii) Người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông lớn của HDS; (iii) công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết của HDS; (iv) các cá nhân hoặc tổ chức khác là Người có liên quan theo quy định tại Luật Chứng khoán và Luật Doanh nghiệp.
2. **Nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch bao gồm nhưng không giới hạn như:** giao dịch vay, cho vay, bảo lãnh; kinh doanh các sản phẩm, cung cấp dịch vụ tài chính; hợp tác kinh doanh/ sử dụng/ cung cấp/ thuê/ cho thuê sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, tài sản; đặt cọc/ mua bán/ đầu tư chứng khoán/ giấy tờ có giá/ vốn; mua bán, thanh lý tài sản và các khoản đầu tư, hợp tác; và các giao dịch khác phục vụ cho hoạt động kinh doanh phù hợp với ngành nghề kinh doanh được phép thực hiện của HDS và Người có liên quan, đảm bảo các hợp đồng, giao dịch này tuân thủ quy định pháp luật và quy định nội bộ có liên quan.
3. **Giá trị cụ thể của từng hợp đồng, giao dịch:** thực hiện tùy từng thời điểm và từng hoạt động cụ thể nhưng không vượt quá hạn mức nêu tại Mục 1, trên cơ sở đảm bảo lợi ích của HDS và tuân thủ quy định pháp luật, quy định nội bộ có liên quan.
4. **Nguyên tắc thực hiện các hợp đồng, giao dịch trên:**
 - a. Các điều kiện của hợp đồng, giao dịch không thuận lợi/ không ưu đãi hơn mức áp dụng cho nhóm khách hàng tương ứng của HDS hoặc các đối tác tương đương.
 - b. Các điều kiện, hạn mức của hợp đồng, giao dịch không trái với quy định hiện hành của HDS và quy định của pháp luật.
 - c. Các hợp đồng, giao dịch thực hiện theo quy định của HDS từng thời kỳ hoặc theo phê duyệt của cấp có thẩm quyền, đảm bảo đáp ứng các điều kiện nêu trên.
5. **Thời gian ký kết:** các hợp đồng, giao dịch được ký kết trong khoảng thời gian kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua đến kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên tiếp theo.



- II. Giao và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định từng hợp đồng, giao dịch cụ thể và triển khai thực hiện phù hợp với tình hình thực tế tại HDS, Điều lệ và các quy định nội bộ có liên quan của HDS. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm báo cáo tình hình thực hiện nội dung ủy quyền này tại kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên tiếp theo.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, phê duyệt.

Trân trọng,

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch 


Nguyễn Cảnh Vinh



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HD

Tháng [...]/2026

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	1
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	1
CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	3
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, thời hạn hoạt động và giấy phép của Công ty	3
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật.....	3
CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	6
Điều 4. Ngành, nghề kinh doanh và mục tiêu hoạt động của Công ty.....	6
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	6
Điều 6. Nguyên tắc hoạt động quản trị, điều hành Công ty.....	6
Điều 7. Nguyên tắc hoạt động nghiệp vụ của Công ty.....	7
CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	9
Điều 8. Vốn Điều lệ, Cổ phần, Cổ đông sáng lập	9
Điều 9. Cổ phiếu.....	9
Điều 10. Chào bán sản phẩm tài chính	10
Điều 11. Chứng chỉ chứng khoán khác.....	10
Điều 12. Chuyển nhượng cổ phần	10
CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	11
Điều 13. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	11
CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	12
Điều 14. Cổ đông.....	12
Điều 15. Quyền của cổ đông	12
Điều 16. Nghĩa vụ của cổ đông	13
Điều 17. Đại hội đồng cổ đông.....	14
Điều 18. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	15
Điều 19. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	17
Điều 20. Thay đổi các quyền.....	18
Điều 21. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 22. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 23. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	20

Điều 24. Điều kiện để nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua ...	22
Điều 25. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	23
Điều 26. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	25
Điều 27. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	26
CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	27
Điều 28. Ứng cử, đề cử và tiêu chuẩn, điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị	27
Điều 29. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	28
Điều 30. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị.....	29
Điều 31. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	29
Điều 32. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	32
Điều 33. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	33
Điều 34. Cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	33
Điều 35. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....	35
Điều 36. Kiểm toán nội bộ	35
Điều 37. Người phụ trách quản trị công ty	36
CHƯƠNG VIII. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	38
Điều 38. Tổ chức bộ máy quản lý.....	38
Điều 39. Người điều hành Công ty.....	38
Điều 40. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc .	38
Điều 41. Bộ phận Kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Tổng Giám đốc.....	39
CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT	41
Điều 42. Ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát (Kiểm soát viên).....	41
Điều 43. Thành phần Ban Kiểm soát.....	41
Điều 44. Trưởng Ban Kiểm soát.....	41
Điều 45. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát.....	42
Điều 46. Cuộc họp của Ban Kiểm soát.....	43
Điều 47. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát	43
CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	45
Điều 48. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	45
Điều 49. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	46
CHƯƠNG XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....	47

Điều 50. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ.....	47
CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	48
Điều 51. Công nhân viên và công đoàn.....	48
CHƯƠNG XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	49
Điều 52. Phân phối lợi nhuận.....	49
CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	50
Điều 53. Tài khoản ngân hàng.....	50
Điều 54. Năm tài chính.....	50
Điều 55. Chế độ kế toán.....	50
CHƯƠNG XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	51
Điều 56. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý.....	51
Điều 57. Báo cáo thường niên.....	51
CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY	52
Điều 58. Kiểm toán.....	52
CHƯƠNG XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP	53
Điều 59. Dấu của Doanh nghiệp.....	53
CHƯƠNG XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY	54
Điều 60. Giải thể Công ty.....	54
Điều 61. Gia hạn hoạt động.....	54
Điều 62. Thanh lý.....	54
Điều 63. Tổ chức lại Công ty.....	55
CHƯƠNG XVIII. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	56
Điều 64. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	56
CHƯƠNG XIX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	57
Điều 65. Điều lệ Công ty.....	57
CHƯƠNG XXI. NGÀY HIỆU LỰC	58
Điều 66. Ngày hiệu lực.....	58

CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. Ban Tổng Giám đốc là Ban Tổng Giám đốc của Công ty, bao gồm Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc;
 - b. Ban Kiểm soát là Ban Kiểm soát của Công ty;
 - c. Cổ đông là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một Cổ phần của Công ty Cổ phần Chứng Khoán HD;
 - d. Cổ đông sáng lập là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập của Công ty;
 - e. Cổ đông lớn là cổ đông được quy định tại Khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - f. Công ty hoặc HDS là Công ty Cổ phần Chứng khoán HD;
 - g. Điều lệ là Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán HD;
 - h. Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 và Luật sửa đổi, bổ sung, thay thế trong từng thời kỳ;
 - i. Luật Chứng Khoán là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và Luật sửa đổi, bổ sung, thay thế trong từng thời kỳ;
 - j. Ngày thành lập là ngày Công ty được cấp giấy phép thành lập và hoạt động lần đầu;
 - k. Người điều hành Công ty là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty;
 - l. Người quản lý Công ty là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban Tổng Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ Công ty;
 - m. Người có liên quan là cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - n. Chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp có tư cách pháp nhân (sau đây gọi là chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp) là cá nhân có quyền sở hữu trên thực tế vốn điều lệ hoặc có quyền chi phối đối với doanh nghiệp đó, trừ trường hợp người đại diện chủ sở hữu trực tiếp tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên theo quy định của pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp
 - o. Thời hạn hoạt động là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;
 - p. Sở Giao dịch Chứng khoán là Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và các

công ty con;

- q. Vốn điều lệ là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 8 Điều lệ này;
 - r. Vốn có quyền biểu quyết là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - s. Việt Nam là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế, hủy bỏ các điều khoản của quy định hoặc văn bản đó
 3. Các tiêu đề (Chương, Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.
 4. Các từ ngữ hoặc thuật ngữ chưa được định nghĩa trong Điều lệ này sẽ được hiểu theo các quy định pháp luật có liên quan.

**CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI
DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI
DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, thời hạn hoạt động và giấy phép của Công ty

1. Tên Công ty
 - Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: Công ty Cổ phần Chứng Khoán HD
 - Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HD Securities Corporation
 - Tên Công ty viết tắt: HD Securities hoặc HDS
2. Hình thức pháp lý của Công ty:

HDS là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
3. Trụ sở đăng ký của Công ty:
 - Địa chỉ trụ sở chính: Số 23A-B Nguyễn Đình Chiểu và Lầu 9, Số 58 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh.
 - Điện thoại: 028 7307 6966 - Fax: 028 6283 8666 - Website: www.hdbs.vn
 - Email: [...]
4. Mạng lưới hoạt động:
 - a. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi pháp luật cho phép;
 - b. Chi nhánh, phòng giao dịch và văn phòng đại diện là những đơn vị thuộc công ty và công ty phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về hoạt động của chi nhánh, phòng giao dịch và văn phòng đại diện của mình;
 - c. Phù hợp với quy định của pháp luật, Công ty chỉ hoạt động kinh doanh chứng khoán, cung cấp dịch vụ chứng khoán tại các địa điểm đặt tại trụ sở chính, chi nhánh và phòng giao dịch đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận; và
 - d. Tên chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện phải mang tên Công ty kèm theo cụm từ chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện và tên riêng để phân biệt.
5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại Điều 60.2 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 61 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.
6. Giấy phép thành lập và hoạt động đầu tiên của Công ty là Giấy phép số 47/UBCK-GPHĐKD ngày 28/12/2006.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật

1. Công ty có 01 (một) người đại diện theo pháp luật là Tổng Giám đốc do Hội

đồng quản trị bổ nhiệm.

2. Người đại diện theo pháp luật là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
3. Ủy quyền của người đại diện theo pháp luật:
 - a. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải thường trú ở Việt Nam. Trong trường hợp xuất cảnh khỏi Việt Nam phải ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân khác cư trú tại Việt Nam thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật. Trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền;
 - b. Trong trường hợp hết thời hạn ủy quyền theo Điều 3.3 (a) mà người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc tại Công ty hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị Quyết định chỉ định người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty;
 - c. Trong trường hợp người đại diện theo pháp luật của Công ty xuất cảnh khỏi Việt Nam quá ba mươi (30) ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc bị chết, mất tích, tạm giam, kết án tù, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự thì Hội đồng quản trị bổ nhiệm người khác vào chức danh người đại diện theo pháp luật của Công ty; và
 - d. Người đại diện theo pháp luật của Công ty có thể ủy quyền bằng văn bản cho Tổng Giám đốc và/hoặc các cá nhân khác để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty trong các giao dịch, vụ việc dân sự, thương mại, hành chính và/hoặc tố tụng trên cơ sở thường xuyên hoặc cho từng giao dịch, vụ việc cụ thể phù hợp với các quy định của Điều lệ này, các quy chế quản lý nội bộ của Công ty và pháp luật có liên quan. Văn bản ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của Công ty phải nêu rõ phạm vi đại diện theo ủy quyền và thời hạn đại diện. người đại diện theo ủy quyền chỉ được thực hiện giao dịch, vụ việc trong phạm vi đại diện.
4. Quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật
 - a. Ký kết các hợp đồng nhân danh/đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty;
 - b. Đại diện cho Công ty làm việc với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, đại diện cho Công ty trong các quan hệ quốc tế, tố tụng, tranh chấp, giải thể, phá sản;
 - c. Trung thành với lợi ích của Công ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi

hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

- d. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về doanh nghiệp mà mình, người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- e. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định Điều lệ, quy định nội bộ của Công ty và quy định pháp luật.

CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Ngành, nghề kinh doanh và mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:
 - a. Các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán.
 - b. Dịch vụ nhận ủy thác quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư cá nhân; thực hiện phân phối hoặc làm đại lý phân phối chứng khoán; quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán; cung ứng dịch vụ quản lý danh sách người sở hữu chứng khoán cho các doanh nghiệp khác.
 - c. Cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến; cung cấp hoặc phối hợp với các tổ chức tín dụng cung cấp dịch vụ cho khách hàng vay tiền mua chứng khoán hoặc cung cấp dịch vụ cho vay chứng khoán; cung cấp hoặc phối hợp với các tổ chức tín dụng cung cấp dịch vụ ứng trước tiền bán chứng khoán; lưu ký chứng khoán; bù trừ và thanh toán chứng khoán; các dịch vụ trên thị trường chứng khoán phái sinh; giao dịch chứng khoán trên tài khoản tự doanh; đầu tư, góp vốn, phát hành, chào bán các sản phẩm tài chính.
 - d. Dịch vụ tư vấn hồ sơ chào bán chứng khoán, thực hiện các thủ tục trước khi chào bán chứng khoán; đại lý lưu ký, thanh toán, chuyển nhượng chứng khoán; tư vấn tái cơ cấu, hợp nhất, sáp nhập, tổ chức lại, mua bán doanh nghiệp; tư vấn quản trị, tư vấn chiến lược doanh nghiệp; tư vấn chào bán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán; tư vấn cổ phần hóa doanh nghiệp.
 - e. Cung cấp dịch vụ tài chính khác phù hợp với quy định của pháp luật sau khi báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước bằng văn bản.
2. Ngoài các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán theo quy định tại Điều 4.1, Công ty được thực hiện các hoạt động kinh doanh khác theo quy định của pháp luật.
3. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

Mục tiêu của Công ty là trở thành một công ty chứng khoán dẫn đầu Việt Nam trong việc kết nối, phát triển hệ sinh thái cung cấp toàn diện các sản phẩm tài chính và dịch vụ quản lý tài sản chuyên nghiệp, sáng tạo, hiệu quả trên nền tảng số hiện đại.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia. Ngoài ra, Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật Chứng khoán.

Điều 6. Nguyên tắc hoạt động quản trị, điều hành Công ty

1. Tuân thủ các quy định của Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan về quản trị công ty.

2. Phân định rõ trách nhiệm giữa Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành viên, Chủ sở hữu, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc phù hợp với Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
3. Thiết lập hệ thống thông tin, liên lạc với các cổ đông, thành viên để đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ và đối xử công bằng giữa các cổ đông, giữa các thành viên; bảo đảm các quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, của thành viên.
4. Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và giám sát, ngăn ngừa những xung đột lợi ích trong nội bộ công ty và trong giao dịch với người có liên quan.
5. Bảo đảm nhân viên làm việc tại bộ phận nghiệp vụ phải có chứng chỉ hành nghề chứng khoán phù hợp với nghiệp vụ thực hiện theo quy định pháp luật.

Điều 7. Nguyên tắc hoạt động nghiệp vụ của Công ty

Công ty khi thực hiện hoạt động nghiệp vụ phải bảo đảm tuân thủ các nguyên tắc sau:

1. Ban hành các quy trình hoạt động đối với từng nghiệp vụ.
2. Ban hành Quy tắc đạo đức hành nghề.
3. Công ty và nhân viên Công ty không được thực hiện đầu tư thay cho khách hàng, trừ trường hợp ủy thác quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư cá nhân theo quy định tại Điều 19 Thông tư số 121/2020/TT-BTC quy định về hoạt động của công ty chứng khoán hoặc các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.
4. Có trách nhiệm trung thực với khách hàng; không được xâm phạm tài sản, các quyền và lợi ích hợp pháp khác của khách hàng. Thực hiện quản lý tách biệt tài sản của từng khách hàng; tách biệt tài sản của khách hàng với tài sản của Công ty.
5. Có trách nhiệm ký kết hợp đồng với khách hàng khi cung cấp dịch vụ cho khách hàng; cung cấp đầy đủ, trung thực thông tin cho khách hàng.
6. Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, Công ty khi cung cấp dịch vụ cho khách hàng không được trực tiếp hoặc gián tiếp thực hiện các hành vi sau:
 - a. Quyết định đầu tư chứng khoán thay cho khách hàng;
 - b. Thỏa thuận với khách hàng để chia sẻ lợi nhuận hoặc thua lỗ;
 - c. Quảng cáo, tuyên bố rằng nội dung, hiệu quả hoặc các phương pháp phân tích chứng khoán của mình có giá trị cao hơn của công ty chứng khoán khác;
 - d. Có hành vi cung cấp thông tin sai sự thật để dụ dỗ hoặc mời gọi khách hàng mua, bán một loại chứng khoán nào đó;
 - e. Cung cấp thông tin sai lệch, gian lận hoặc gây hiểu nhầm cho khách hàng;
 - f. Các hành vi khác trái với quy định của pháp luật.

7. Thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán, thống kê và nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.
8. Thực hiện công bố thông tin và báo cáo kịp thời, đầy đủ, chính xác theo quy định của pháp luật.
9. Xây dựng hệ thống công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu dự phòng để bảo đảm hoạt động an toàn và liên tục.
10. Thực hiện giám sát giao dịch chứng khoán theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
11. Thiết lập một bộ phận chuyên trách chịu trách nhiệm thông tin, liên lạc với khách hàng và giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của khách hàng.
12. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về chứng khoán và pháp luật có liên quan.

CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 8. Vốn Điều lệ, Cổ phần, Cổ đông sáng lập

1. Vốn Điều lệ của Công ty là 1.461.425.710.000 VND

(Bằng chữ: Một nghìn bốn trăm sáu mươi một tỷ bốn trăm hai mươi lăm triệu bảy trăm mười nghìn đồng).

Tổng số Vốn Điều lệ của Công ty được chia thành 146.142.571 cổ phần *(Bằng chữ: Một trăm bốn mươi sáu triệu một trăm bốn mươi hai nghìn năm trăm bảy mươi một cổ phần).*

Mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng Việt Nam/cổ phần.

Trong đó:

- a. Cổ phần phổ thông: 146.142.571 cổ phần;
 - b. Công ty hiện chưa phát hành cổ phần ưu đãi.
2. Công ty có thể thay đổi Vốn Điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
 3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này chỉ có cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Điều lệ này.
 4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
 5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.
 6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.
 7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Cổ phiếu

1. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại Khoản 1 Điều 121 của Luật Doanh nghiệp.
2. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
3. Trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 07 (bảy)

ngày kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành hoặc theo quy định pháp luật tùy từng thời điểm), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:
 - Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
 - Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 10. Chào bán sản phẩm tài chính

1. Căn cứ quy định của pháp luật và chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Công ty sẽ thực hiện chào bán các sản phẩm tài chính (bao gồm chứng quyền có bảo đảm) và thực hiện tất cả các nghiệp vụ liên quan.
2. Chứng quyền có bảo đảm là chứng khoán có tài sản bảo đảm do Công ty phát hành, cho phép người sở hữu được quyền mua (chứng quyền mua) hoặc được quyền bán (chứng quyền bán) chứng khoán cơ sở cho Công ty theo một mức giá đã được xác định trước, tại hoặc trước một thời điểm đã được ấn định, hoặc nhận khoản tiền chênh lệch giữa giá thực hiện và giá chứng khoán cơ sở tại thời điểm thực hiện.
3. Người sở hữu chứng quyền là chủ nợ có bảo đảm một phần của Công ty (không bao gồm lượng chứng quyền chưa lưu hành). Bên cạnh đó, người sở hữu chứng quyền có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và bản cáo bạch khi chào bán chứng quyền, bao gồm nhưng không giới hạn các quyền nhận thanh toán bằng tiền hoặc chuyển giao chứng khoán cơ sở, chuyển nhượng, tặng cho, để lại thừa kế, cầm cố, thế chấp, v.v.

Điều 11. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 12. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng, trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và không được hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 13. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị.
3. Ban Kiểm soát.
4. Ban Tổng Giám đốc.

CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 14. Cổ đông

1. Điều kiện về cổ đông bao gồm:
 - a. Cổ đông sở hữu từ 10% trở lên vốn điều lệ của Công ty và người có liên quan của cổ đông, thành viên góp vốn đó (nếu có) không sở hữu trên 5% vốn điều lệ của một (01) công ty chứng khoán khác;
 - b. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài phải đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 77 của Luật Chứng khoán.
2. Cổ đông sở hữu từ 10% trở lên vốn điều lệ của Công ty không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến quyền và lợi ích của Công ty và các cổ đông khác.
3. Cổ đông sở hữu từ 10% trở lên vốn điều lệ của Công ty phải thông báo đầy đủ cho Công ty trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được thông tin đối với các trường hợp sau:
 - a. Số cổ phần hoặc phần vốn góp bị phong tỏa, cầm cố hoặc bị xử lý theo quyết định của Tòa án;
 - b. Cổ đông là tổ chức quyết định thay đổi tên hoặc chia, tách, giải thể, phá sản.
4. Công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của cổ đông.

Điều 15. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
 - a. Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
 - d. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật có liên quan;
 - e. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
 - f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - g. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;

- h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;
 - i. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
 - j. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
 - k. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - l. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:
- a. Yêu cầu Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
 - b. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; báo cáo tài chính bán niên và hằng năm; báo cáo của Ban Kiểm soát; hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
 - c. Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và bao gồm các nội dung theo quy định của pháp luật;
 - d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp;
 - e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 16. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

- 1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
- 2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
- 3. Tuân thủ Điều lệ Công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

4. Chấp hành Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao chép, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo hướng dẫn của Hội đồng quản trị.
 - f. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - Vi phạm pháp luật;
 - Tiến hành kinh doanh hoặc giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty
 - g. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật

Điều 17. Đại hội đồng cổ đông.

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
3. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đặt điều kiện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

4. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
5. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
 - d. Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát;
 - e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
6. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:
 - a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 5 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c, điểm d khoản 5 Điều này;
 - b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản này, thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
 - c. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 5 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;
 - d. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.
 - e. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 18. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;

- b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
 - c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
 - d. Chấp thuận, quyết định tất cả các hợp đồng, giao dịch có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
 - f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
 - i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;
 - k. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;
 - l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
- a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
 - c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc;
 - e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát;
 - f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - g. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;
 - h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
 - i. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;

- j. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết;
 - k. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
 - l. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
 - m. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - n. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - o. Chấp thuận, quyết định tất cả các hợp đồng, giao dịch có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - p. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - q. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
 - r. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, được sửa đổi bởi Khoản 84 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 09 năm 2025;
 - s. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban Kiểm soát;
 - t. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 19. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

- 1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.
- 2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.
- 3. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền hết hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên sau giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc sau khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 20. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại diện như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại diện yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.
3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 22, Điều 23 và Điều 24 Điều lệ này.
4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 21. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại Điều 18.3 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
 - c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
 - d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
 - e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
 - f. Thông báo và gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
 - g. Các công việc khác phục vụ đại hội.
3. Mời họp Đại hội đồng cổ đông:
 - a. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các Sở Giao dịch Chứng khoán. Trường hợp cổ đông đã thông báo cho Công ty về địa chỉ thư điện tử, thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi qua thư điện tử đó. Trường hợp cổ đông là người làm việc tại Công ty, Công ty có thể gửi tận tay họ tại nơi làm việc hoặc theo địa chỉ thư điện tử làm việc của họ do Công ty cung cấp.
 - b. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 (hai mươi một) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ).
 - c. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:
 - (i) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - (ii) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
 - (iii) Phiếu biểu quyết;
 - (iv) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
 - a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
 - b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Điều lệ này;
 - c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 22. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 23. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:
 - a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn

đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

- b. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
2. Việc bầu Chủ tọa, Thư ký và Ban kiểm phiếu được quy định như sau:
 - a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm Chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm Chủ tọa thì Trường Ban Kiểm soát điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp trong số những người được dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp.
 - b. Trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp.
 - c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm Thư ký cuộc họp.
 - d. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.
 3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình họp phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình.
 4. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp, bao gồm:
 - a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
 - c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) Đại hội.
 - b. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng

có thể bao gồm việc cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng các hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình họp. Việc biểu quyết được tiến hành bằng hình thức biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.
6. Người triệu tập họp hoặc Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có các quyền sau đây:
 - a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc áp dụng các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
 - b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến trình bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
7. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp đến thời điểm không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự kiến khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:
 - a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
8. Trường hợp Chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 7 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế Chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến khi kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
9. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm bảo đảm để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.

Điều 24. Điều kiện để nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về các nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:
 - a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

- c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
 - d. Chấp thuận, quyết định tất cả các hợp đồng, giao dịch có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - e. Tổ chức lại, giải thể Công ty.
2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này và các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.
 3. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua với 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực kể cả trong trường hợp trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 25. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau:
 - a. Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty;
 - b. Phê duyệt, sửa đổi/ bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát;
 - c. Định hướng phát triển công ty;
 - d. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - f. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;
 - g. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - h. Tổ chức lại, giải thể công ty;
 - i. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - j. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
 - k. Các vấn đề các thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và tài liệu giải trình liên quan và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Điều 22.3 Điều lệ này.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

- b. Mục đích lấy ý kiến;
 - c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - e. Phương án biểu quyết bao gồm: tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g. Họ, tên và chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc phương thức điện tử theo quy định sau đây:
- a. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức; phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
 - c. Biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác quy định tại Điều 24.10 Điều lệ.
 - d. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu hợp lệ và không hợp lệ, phương thức gửi phiếu, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - e. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết tương ứng;
 - f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu và chịu trách nhiệm về thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi có thể được thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và các tài liệu liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản khi đáp ứng các điều kiện sau:
 - a. Đối với các vấn đề quy định tại Điểm d, f, i, j, f khoản 1 Điều 25 Điều lệ này, nghị quyết được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham gia lấy ý kiến và biểu quyết tán thành;
 - b. Đối với các vấn đề còn lại quy định tại Khoản 1 Điều 25 Điều lệ này, nghị quyết được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham gia lấy ý kiến và biểu quyết tán thành.
9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị pháp lý như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 26. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể được ghi âm, ghi hình hoặc lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - d. Họ, tên Chủ tọa và Thư ký;
 - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp; phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu biểu quyết tương ứng;
 - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i. Họ, tên và chữ ký của Chủ tọa và Thư ký. Trường hợp Chủ tọa, Thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này vẫn có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp phải ghi rõ việc Chủ tọa, Thư ký từ chối ký biên bản họp.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và Thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
 3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và biên bản bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
 4. Nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, toàn bộ tài liệu đính kèm biên bản họp (nếu có) và tài liệu liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 27. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
 - a. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 26 Điều lệ này.
 - b. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.
2. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này, nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 28. Ứng cử, đề cử và tiêu chuẩn, điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:
 - a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ chuyên môn;
 - c. Quá trình công tác;
 - d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty.Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo cơ chế sau: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 (một) thành viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử 02 (hai) thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử 03 (ba) thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử 04 (bốn) thành viên, và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.
3. Trường hợp số lượng ứng cử viên cổ đông, nhóm cổ đông được đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết theo quy định, Hội đồng quản trị đương nhiệm được quyền giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.
4. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông tiến hành biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.
5. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và các quy định sau:

- a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực chứng khoán, tài chính, ngân hàng;
 - b. Không phải là Tổng Giám đốc, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của công ty chứng khoán khác; không được đồng thời làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của trên 05 công ty khác;
 - c. Không từng là thành viên Hội đồng quản trị hoặc người đại diện theo pháp luật của công ty bị phá sản hoặc bị cấm hoạt động do những vi phạm pháp luật nghiêm trọng;
 - d. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;
 - e. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định pháp luật từng thời kỳ.
6. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây sau:
- a. Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
 - b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
 - c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;
 - d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
 - e. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.
 - f. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định pháp luật.

Điều 29. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị từ 03 (ba) đến 11 (mười một) thành viên.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 (hai) nhiệm kỳ liên tiếp. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Số lượng thành viên Hội đồng quản trị không điều hành của Công ty phải đảm bảo quy định sau:

- a. Có tối thiểu 01 thành viên không điều hành trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;
 - b. Có tối thiểu 02 thành viên không điều hành trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;
 - c. Có tối thiểu 03 thành viên không điều hành trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.
4. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Công ty phải đảm bảo quy định sau:
- a. Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;
 - b. Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;
 - c. Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.
5. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

Điều 30. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị

1. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị là thành viên Hội đồng quản trị đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của pháp luật về quản trị công ty áp dụng đối với các công ty niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán.
2. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị khi không còn đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không còn đáp ứng đủ các điều kiện nêu trên.

Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông báo trường hợp này tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị.

3. Cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên độc lập Hội đồng quản trị được thực hiện phù hợp với các quy chế quản lý nội bộ của Công ty tại từng thời kỳ và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 31. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có các quyền hạn và nghĩa vụ theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các quy định pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty, cụ thể:
 - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - d. Quyết định giá bán cổ phần, trái phiếu và các loại chứng khoán khác của Công ty;
 - e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
 - f. Quyết định việc phát hành, chào bán trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và phát hành, chào bán các loại chứng khoán khác trừ các loại chứng khoán thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty;
 - g. Quyết định huy động vốn dưới các hình thức khác theo quy định của pháp luật;
 - h. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - i. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - j. Thông qua các hợp đồng, giao dịch có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp.
 - k. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý quan trọng khác theo quy định tại Điều lệ Công ty; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó;
 - l. Cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông tại công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
 - m. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong việc điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty;
 - n. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty; quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện; quyết định việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - o. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông; triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

- p. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
 - q. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - r. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty theo quy định của pháp luật;
 - s. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế công bố thông tin của Công ty, Quy chế/Quy định tài chính của Công ty quy định thẩm quyền phê duyệt liên quan đến chi phí của Công ty phù hợp với hoạt động kinh doanh;
 - t. Phê duyệt, chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người có liên quan theo quy định tại khoản 2 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
 - u. Giao nhiệm vụ, phân công, phân quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc hoặc người quản lý khác để triển khai thực hiện hợp đồng, giao dịch, quyết định đầu tư, hoạt động kinh doanh và/hoặc các nội dung công việc khác đã được Hội đồng quản trị phê duyệt;
 - v. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của công ty;
 - w. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
 - x. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;
 - y. Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - z. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của công ty theo quy định của pháp luật.
3. Từng thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Công ty phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.
 4. Hội đồng quản trị phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các trách nhiệm, nghĩa vụ sau:
 - a. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của công ty.
 - b. Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến công ty.
 - c. Đảm bảo hoạt động của công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của công ty.

- d. Xây dựng Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.
- e. Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác, bao gồm việc sử dụng tài sản công ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan.
- f. Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua theo quy định tại Điều 270 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.
- g. Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty.
- h. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Giám đốc, Người phụ trách quản trị công ty và người quản lý khác của Công ty.
- i. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
- j. Thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông theo quy định pháp luật sau khi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.

Điều 32. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao và thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị căn cứ vào kết quả và hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết để hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị quyết định mức thù lao của từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành một mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành, hoặc tham gia làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện các công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán toàn bộ chi phí đi lại, ăn, ở và các chi phí hợp lý khác mà họ đã chi trả khi thực hiện trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm cả chi phí phát sinh khi tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm đối với các trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty.

Điều 33. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm Chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - f. Lãnh đạo và đảm bảo sự hoạt động hiệu quả của Hội đồng quản trị;
 - g. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được đơn từ chức hoặc kể từ ngày có quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm.
5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ của mình, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
6. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc hoặc cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định, thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành, cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 34. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu

bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và bằng nhau, các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý một (01) lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau đây:
 - a. Có đề nghị của Ban Kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - b. Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Các trường hợp khác do Công ty quy định phù hợp với quy chế quản lý nội bộ và quy định pháp luật có liên quan.
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại phát sinh đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian, địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định, kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc hình thức khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và bảo đảm gửi đến địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị đã đăng ký tại Công ty.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp gửi thông báo mời họp và tài liệu kèm theo cho các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, tham gia thảo luận nhưng không được biểu quyết.
7. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên được họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập mà không đủ số thành viên được họp, thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Khi đó, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị được họp.
8. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong các trường hợp sau:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết theo quy định tại Khoản 10 Điều này;

- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.
9. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp qua thư, phiếu biểu quyết phải được đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
10. Thành viên Hội đồng quản trị phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
11. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 35. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

- 1. Hội đồng quản trị có thể thành lập các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị để phụ trách các lĩnh vực như chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro, ...
- 2. Số lượng thành viên của từng tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành chiếm đa số trong tiểu ban và một số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của các tiểu ban phải tuân thủ quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
- 3. Việc thực thi các quyết định của Hội đồng quản trị hoặc của các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với quy định pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty và Quy chế quản lý nội bộ về quản trị công ty.

Điều 36. Kiểm toán nội bộ

- 1. Hoạt động kiểm toán nội bộ phải bảo đảm các nguyên tắc sau:
 - a. Tính độc lập: Bộ phận kiểm toán nội bộ độc lập với các bộ phận khác của Công ty, kể cả Ban Điều hành; hoạt động kiểm toán nội bộ độc lập với các hoạt động điều hành, nghiệp vụ của công ty chứng khoán; cán bộ làm công tác kiểm toán nội bộ không được đảm nhận các công việc thuộc đối tượng của kiểm toán nội bộ, không được kiêm nhiệm công việc tại các bộ phận nghiệp vụ như môi giới, tự doanh, phân tích, tư vấn đầu tư, bảo lãnh phát hành, quản trị rủi ro.
 - b. Tính khách quan: Bộ phận kiểm toán nội bộ, nhân viên bộ phận kiểm toán nội bộ phải đảm bảo tính khách quan, công bằng, không định kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình. Công ty phải bảo đảm kiểm toán nội bộ không chịu bất cứ sự can thiệp nào khi thực hiện đúng nhiệm vụ của mình;

- c. Nhân viên kiểm toán nội bộ phải thể hiện tính khách quan trong quá trình thu thập, đánh giá và truyền đạt thông tin về hoạt động hoặc các quy trình, hệ thống đã hoặc đang được kiểm toán. Kiểm toán viên nội bộ cần đưa ra đánh giá một cách công bằng về tất cả các vấn đề liên quan và không bị chi phối bởi mục tiêu, quyền lợi riêng hoặc bởi bất kỳ ai khác khi đưa ra nhận xét, đánh giá của mình;
 - d. Tính trung thực: Kiểm toán viên nội bộ phải thực hiện công việc của mình một cách trung thực, cẩn trọng và có trách nhiệm; tuân thủ pháp luật và thực hiện các nội dung công việc công khai theo quy định của pháp luật và nghề nghiệp;
 - e. Bảo mật: Nhân viên bộ phận kiểm toán nội bộ cần tôn trọng giá trị và quyền sở hữu của thông tin nhận được, không được tiết lộ thông tin khi không có ủy quyền hợp lệ, trừ khi có nghĩa vụ phải tiết lộ thông tin theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Công ty.
2. Nhân sự của bộ phận kiểm toán nội bộ phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:
- a. Người làm việc tại bộ phận này không phải là người đã từng bị xử phạt từ mức phạt tiền trở lên đối với các hành vi vi phạm trong lĩnh vực chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm trong vòng 05 năm gần nhất tính tới năm được bổ nhiệm;
 - b. Trưởng bộ phận kiểm toán nội bộ phải là người có trình độ chuyên môn về Luật, Kế toán, Kiểm toán; có đủ kinh nghiệm, uy tín, thẩm quyền để thực thi có hiệu quả nhiệm vụ được giao;
 - c. Không phải là người có liên quan đến các trưởng bộ phận chuyên môn, người thực hiện nghiệp vụ, Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc), Giám đốc chi nhánh trong Công ty;
 - d. Có chứng chỉ chuyên môn về những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán hoặc chứng chỉ hành nghề chứng khoán, và chứng chỉ chuyên môn pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán;
 - e. Không kiêm nhiệm các công việc khác trong Công ty.

Điều 37. Người phụ trách quản trị công ty

- 1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.
- 2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
- 3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
 - b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Tham dự các cuộc họp;
- e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG VIII. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 38. Tổ chức bộ máy quản lý

1. Hệ thống quản lý của Công ty phải bảo đảm bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty.
2. Công ty có Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết hoặc quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 39. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm: Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng.
2. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty có thể tuyển dụng người điều hành khác phù hợp với cơ cấu tổ chức và quy chế quản lý của Công ty.
3. Tổng Giám đốc được trả lương và thưởng theo quyết định của Hội đồng quản trị.
4. Tiền lương của người điều hành được hạch toán vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định pháp luật và được trình bày thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm, đồng thời báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Điều 40. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc.
2. Tổng Giám đốc là người điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và pháp luật.
3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại không hạn chế số nhiệm kỳ.
4. Tổng Giám đốc phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn, điều kiện như sau:
 - a. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp, không phải là người đã từng hoặc đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chấp hành án phạt tù hoặc bị cấm hành nghề chứng khoán theo quy định của pháp luật;
 - b. Có tối thiểu 02 năm kinh nghiệm làm việc tại bộ phận nghiệp vụ của các tổ chức trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm hoặc tại bộ phận tài chính, kế toán, đầu tư trong các doanh nghiệp khác;
 - c. Có chứng chỉ hành nghề phân tích tài chính hoặc chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ;

- d. Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán trong thời hạn 06 tháng gần nhất;
 - e. Không được đồng thời làm thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên cho công ty chứng khoán khác; không đồng thời làm việc cho công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ và doanh nghiệp khác;
 - f. Các điều kiện khác quy định đối với Tổng Giám đốc Công ty chứng khoán và Công ty đại chúng theo quy định của pháp luật.
5. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
- a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
 - d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - f. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;
 - g. Tuyển dụng lao động;
 - h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và các quy định của công ty mẹ (nếu có).
6. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi được đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới để thay thế.

Điều 41. Bộ phận Kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Tổng Giám đốc

- 1. Bộ phận Kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Tổng Giám đốc có nhiệm vụ kiểm soát việc tuân thủ, bao gồm:
 - a. Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, quyết định của Hội đồng quản trị, các quy chế, quy trình nghiệp vụ, quy trình quản trị rủi ro của Công ty, của các bộ phận có liên quan và của người hành nghề chứng khoán trong Công ty;
 - b. Giám sát việc thực thi các quy định nội bộ, các hoạt động tiềm ẩn xung đột lợi ích trong nội bộ Công ty, đặc biệt đối với hoạt động kinh doanh của bản thân Công ty và các giao dịch cá nhân của nhân viên; giám sát việc thực hiện trách nhiệm của cán bộ, nhân viên trong Công ty và trách nhiệm của đối tác đối với các hoạt động đã được ủy quyền;
 - c. Kiểm tra nội dung và giám sát việc thực hiện các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp;

- d. Giám sát việc tính toán và tuân thủ các quy định bảo đảm an toàn tài chính;
 - e. Tách biệt tài sản của khách hàng;
 - f. Bảo quản, lưu giữ tài sản của khách hàng;
 - g. Kiểm soát việc tuân thủ các quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền;
 - h. Thực hiện các nội dung khác theo nhiệm vụ do Tổng Giám đốc giao.
2. Yêu cầu về nhân sự của Bộ phận Kiểm soát nội bộ:
- a. Bố trí ít nhất 01 nhân viên làm công tác kiểm soát tuân thủ;
 - b. Trưởng Bộ phận Kiểm soát nội bộ phải là người có trình độ chuyên môn về luật, kế toán hoặc kiểm toán, có đủ kinh nghiệm, uy tín và thẩm quyền để thực hiện nhiệm vụ được giao;
 - c. Không phải là người có liên quan đến các trưởng bộ phận chuyên môn, người thực hiện nghiệp vụ, Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc), Giám đốc chi nhánh trong Công ty Chứng khoán;
 - d. Có chứng chỉ chuyên môn cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán hoặc chứng chỉ hành nghề chứng khoán, và chứng chỉ chuyên môn pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán;
 - e. Không kiêm nhiệm các công việc khác trong Công ty.

CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 42. Ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát (Kiểm soát viên)

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 28 của Điều lệ này.
2. Trường hợp số lượng ứng viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.
3. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 43. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban Kiểm soát của Công ty là từ 03 thành viên trở lên. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp các thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu, thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.
2. Thành viên Ban Kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:
 - a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - b. Là thành viên hoặc nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền kề trước đó.
3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c. Các trường hợp khác phù hợp với các quy chế quản lý nội bộ của Công ty tại từng thời kỳ và quy định của pháp luật có liên quan.
4. Thành viên Ban Kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Vi phạm nhiều lần hoặc vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
 - d. Trường hợp khác theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 44. Trưởng Ban Kiểm soát

1. Trưởng Ban Kiểm soát do Ban Kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban Kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm được thực hiện theo nguyên tắc đa số. Ban Kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú tại Việt Nam. Trưởng Ban Kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Doanh nghiệp. Trưởng Ban Kiểm soát của Công ty không được đồng thời là thành viên Ban Kiểm soát hoặc người quản lý của công ty chứng khoán khác.
2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát:
 - a. Triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát;
 - b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban Kiểm soát;
 - c. Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 45. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty; bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
2. Chịu trách nhiệm trước Cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty; việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác.
4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Cổ đông.
5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và người điều hành khác của Doanh nghiệp, Ban Kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.
10. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc vi phạm pháp luật, Điều lệ công ty, dẫn đến xâm phạm quyền và lợi ích của Công ty, Cổ đông hoặc khách hàng, Ban Kiểm soát có trách nhiệm yêu cầu giải trình trong thời gian nhất định hoặc đề nghị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để giải quyết. Đối với các vi phạm pháp luật, Ban Kiểm soát phải báo cáo bằng văn bản cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát hiện vi phạm.
11. Tổ chức thực hiện kiểm toán nội bộ; được thuê chuyên gia, tư vấn độc lập để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.
12. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh thuộc bộ phận kiểm toán nội bộ.
13. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực, hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
14. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 46. Cuộc họp của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban Kiểm soát. Biên bản họp Ban Kiểm soát được lập chi tiết, rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban Kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban Kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban Kiểm soát.
2. Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 47. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban Kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát.
2. Thành viên Ban Kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 48. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
4. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật.
5. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
6. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
7. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.
8. Tổng Giám đốc không được là người có liên quan của người quản lý Công ty, Kiểm soát viên của Công ty và công ty mẹ, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Công ty và công ty mẹ theo quy định tại điểm d khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.
9. Khi Công ty trở thành công ty đại chúng thì giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:
 - a. Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao

dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

- b. Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 49. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ pháp luật và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.
3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả chi phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ pháp luật cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 50. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
 - a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; được cấp Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần khi có yêu cầu; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm, báo cáo của Ban Kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị, danh sách chủ sở hữu hưởng lợi và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.
2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông hoặc nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông hoặc nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi, bổ sung Điều lệ; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; các quy chế; các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản; nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị; biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị; các báo cáo của Hội đồng quản trị; các báo cáo của Ban Kiểm soát; báo cáo tài chính năm; sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.
5. Điều lệ Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 51. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành Công ty.
2. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất; những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 52. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hằng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.
5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 53. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 54. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hằng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm đó.

Điều 55. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

CHƯƠNG XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 56. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 57. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 58. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.
2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, đồng thời được phát biểu ý kiến tại Đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

CHƯƠNG XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 59. Dấu của Doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).
3. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 60. Giải thể Công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a. Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ Công ty mà không có quyết định gia hạn;
 - b. Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Công ty không còn đủ số lượng cổ đông tối thiểu theo quy định của Luật Doanh nghiệp trong thời hạn 06 tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp;
 - d. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
 - e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định của pháp luật.

Điều 61. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 07 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 62. Thanh lý

1. Ít nhất 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;

- b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c. Nợ thuế;
- d. Các khoản nợ khác của Công ty;
- e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

Điều 63. Tổ chức lại Công ty

1. Công ty thực hiện hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.
2. Trình tự, thủ tục hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi được thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và pháp luật có liên quan.

CHƯƠNG XVIII. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 64. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan đến hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:
 - a. Cổ đông với Công ty;
 - b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc hoặc người điều hành khác;Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải.
2. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan đến Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh.
3. Trường hợp tranh chấp liên quan đến Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất kỳ bên nào cũng có thể yêu cầu trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.
4. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 (sáu) tuần kể từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp thuận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án có thẩm quyền.
5. Các bên tự chịu các chi phí có liên quan đến thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

CHƯƠNG XIX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 65. Điều lệ Công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với các điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng các quy định pháp luật đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 66. Ngày hiệu lực

1. Điều lệ này gồm XXI Chương, 66 Điều, được ban hành ngày ... tháng ... năm 2026.
2. Điều lệ được lập thành 02 (hai) bản, có giá trị pháp lý như nhau và được lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là bản duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị pháp lý khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một nửa (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

QUY CHẾ NỘI BỘ
VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG
KHOÁN HD

Tháng.../2026

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG	1
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	1
CHƯƠNG II. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	2
Điều 2. Đại hội đồng cổ đông.....	2
Điều 3. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông.....	2
Điều 4. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp	4
Điều 5. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	4
Điều 6. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông và Chương trình, nội dung họp Đại hội đồng cổ đông.....	4
Điều 7. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông	5
Điều 8. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông	6
Điều 9. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông;	7
Điều 10. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	7
Điều 11. Thê thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....	7
Điều 12. Cách thức bỏ phiếu;	9
Điều 13. Cách thức kiểm phiếu	9
Điều 14. Điều kiện để nghị quyết được thông qua	10
Điều 15. Thông báo kết quả kiểm phiếu	11
Điều 16. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	11
Điều 17. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;	11
Điều 18. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.....	12
Điều 19. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.....	13
Điều 20. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến.....	15
CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	16
Điều 21. Hội đồng quản trị	16
Điều 22. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị;.....	17
Điều 23. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị;.....	18
Điều 24. Cách thức đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị	19
Điều 25. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị.....	19
Điều 26. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị	20
Điều 27. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị và cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị	20
Điều 28. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị.	21
Điều 29. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.	22

Điều 30. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị	23
Điều 31. Trình tự, thủ tục thông qua Nghị quyết Hội đồng quản trị bằng hình thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản	25
Điều 32. Các tiêu ban thuộc Hội đồng quản trị	27
Điều 33. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty.....	27
CHƯƠNG IV. BAN KIỂM SOÁT.....	29
Điều 34. Ban kiểm soát	29
Điều 35. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát.....	31
Điều 36. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban kiểm soát	32
Điều 37. Trưởng Ban kiểm soát.....	32
Điều 38. Cách thức đề cử, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát	32
Điều 39. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.....	33
Điều 40. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát	34
Điều 41. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát.....	34
CHƯƠNG V. TỔNG GIÁM ĐỐC.....	36
Điều 42. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc;.....	36
Điều 43. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc;.....	36
CHƯƠNG VI. CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC	38
Điều 44. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc...	38
Điều 45. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động thường kỳ và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác	39
CHƯƠNG VII. HIỆU LỰC THI HÀNH.....	40
Điều 46. Hiệu lực thi hành.....	40

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và những người liên quan.

CHƯƠNG II. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 2. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
 - b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
 - c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
 - d. Chấp thuận, quyết định tất cả các hợp đồng, giao dịch có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
 - f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
 - i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;
 - k. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;
 - l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 3. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường.
2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo Điều 17 Điều lệ Công ty và Điều 139 Luật doanh nghiệp.
3. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp sau:
 - n. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - o. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

- p. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên của Công ty. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
 - q. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
 - r. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:
- a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày xảy ra trường hợp số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc nhận được yêu cầu triệu tập họp của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc nhận được yêu cầu triệu tập họp của Ban kiểm soát;
 - b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
 - c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên của Công ty có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - d. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
- a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
 - c. Chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp;
 - d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
 - e. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
 - f. Xác định thời gian và địa điểm họp;
 - g. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

- h. Các công việc khác phục vụ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 4. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông, sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán của Công ty.
2. Trình tự, thủ tục chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán, Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật liên quan. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.
3. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.
4. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi thông tin sai lệch hoặc bổ sung thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người quản lý Công ty phải cung cấp kịp thời thông tin trong sổ đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu.

Điều 5. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

Công ty thực hiện công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.

Điều 6. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông và Chương trình, nội dung họp Đại hội đồng cổ đông

1. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông:

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc, cụ thể như sau:

 - a. Thông báo mời họp phải có các tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp, những yêu cầu khác đối với người dự họp và đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp (trong trường hợp tài liệu họp không được gửi kèm theo thông báo mời họp).
 - b. Thông báo mời họp được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được cổ đông như thông qua thư điện tử hoặc địa chỉ liên lạc khác mà cổ đông đã đăng ký với Công ty hoặc tổ chức lưu ký chứng khoán. Đồng thời, thông báo mời họp được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, các Sở Giao dịch Chứng khoán.

2. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại cuộc họp được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng tải trên trang điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:
 - a. Chương trình họp, tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - c. Phiếu biểu quyết;
 - d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
3. Kiến nghị bổ sung chương trình, nội dung họp Đại hội đồng cổ đông:
 - a. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông.
 - b. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp. Trường hợp nhóm cổ đông cùng kiến nghị nội dung đưa vào chương trình họp, kèm theo văn bản kiến nghị nhóm cổ đông phải gửi kèm theo biên bản thông nhất nội dung đề xuất của nhóm cổ đông.
4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị nêu trên nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
 - a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 3 điều này;
 - b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 05% cổ phần phổ thông trở lên.
 - c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Khoản 3 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều này; kiến nghị được chính thức đưa vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 7. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc thông qua một trong các hình thức quy định tại Điều lệ Công ty.
2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền hợp lệ là văn bản ủy quyền được lập theo quy định Điều 144 Luật Doanh nghiệp và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn

ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền. Tổng số cổ phần ủy quyền không được vượt quá số cổ phần có quyền biểu quyết mà cổ đông sở hữu. Giấy ủy quyền không được tẩy xóa, sửa chữa, lập ghép; thông tin và chữ ký phải rõ ràng. Giấy ủy quyền hợp lệ phải được gửi cho Công ty trước khi khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông có thể tham khảo theo mẫu giấy ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông do Công ty công bố trên website Công ty theo từng lần tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông.

3. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty) và phạm vi ủy quyền lại không được vượt phạm vi ủy quyền ban đầu của cổ đông.
4. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền hết hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.
 - d. Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên sau giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc sau khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 8. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến trực tiếp tham dự họp Đại hội đồng cổ đông cần mang theo và xuất trình các giấy tờ sau:
 - a. **Cổ đông cá nhân:** (i) Bản gốc giấy tờ pháp lý cá nhân: Căn cước/Căn cước công dân/Hộ chiếu hoặc giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác còn hiệu lực sử dụng của cổ đông hoặc người được ủy quyền; (ii) Bản gốc Giấy ủy quyền hợp lệ (trường hợp cổ đông ủy quyền cho người khác tham dự họp).
 - b. **Cổ đông tổ chức:** (i) Bản sao chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép hoạt động/Quyết định thành lập còn hiệu lực (trong trường hợp Quyết định thành lập không thể hiện người đứng đầu doanh nghiệp của tổ chức thì ghi mang theo Quyết định bổ nhiệm còn hiệu lực hoặc tài liệu tương đương khác); (ii) Bản gốc giấy tờ pháp lý cá nhân của Người đại diện theo pháp luật/Người được cổ đông là tổ chức ủy quyền tham dự cuộc họp: Căn cước/Căn cước công dân/Hộ chiếu hoặc giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác còn hiệu lực sử dụng; (iii) Bản gốc Giấy ủy quyền dự họp hợp lệ.
2. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:
 - a. Cổ đông, người đại diện theo pháp luật của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền hoặc người được ủy quyền (sau đây gọi chung là “cổ đông/đại diện theo ủy quyền của cổ đông”) khi tới tham dự họp xuất trình đầy đủ các tài liệu nêu

tại Khoản 1 Điều này để Ban kiểm tra và đăng ký cổ đông kiểm tra và được nhận Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử sau khi được Ban kiểm tra và đăng ký cổ đông xác nhận tư cách hợp lệ. Trường hợp cổ đông/đại diện theo ủy quyền của cổ đông không xuất trình hoặc xuất trình không đầy đủ các tài liệu nêu trên để Ban tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (sau đây gọi chung là “Ban Tổ chức”) xác minh được tư cách người tham dự họp, Ban Tổ chức có quyền từ chối việc tham dự cuộc họp và việc từ chối này sẽ được lập thành Biên bản.

- b. Khi đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông, cổ đông chịu trách nhiệm kê khai chi tiết và trung thực về các lợi ích có liên quan của mình đối với các nội dung của chương trình họp Đại hội đồng cổ đông để Ban kiểm phiếu xem xét, loại bỏ phiếu biểu quyết của cổ đông này (trong trường hợp cổ đông này vẫn tham gia biểu quyết) khi tiến hành kiểm phiếu. Trường hợp cổ đông không kê khai hoặc kê khai thông tin không chính xác, trung thực về các lợi ích liên quan của cổ đông đối với các nội dung của chương trình họp và gây thiệt hại cho các cổ đông khác và/hoặc Công ty thì cổ đông đó phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại xảy ra (nếu có).
- c. Các quy định và yêu cầu cụ thể về việc đăng ký dự họp, cách thức tiến hành, thảo luận, biểu quyết tại cuộc họp tuân thủ quy chế làm việc tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông từng thời điểm, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 9. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông;

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của Công ty.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 10. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết trước tiếp tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 11. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông theo quy định tại Điều 8 của Quy chế này.
2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:
 - a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng

quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

- b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
 - d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.
3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
 4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
 5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.
 6. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký theo cách thức đăng ký tham dự họp tại Điều 8 quy chế này, sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
 7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:
 - a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh họp pháp, hợp lý khác;
 - b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
 8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
 - a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

- b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

Điều 12. Cách thức bỏ phiếu;

1. Các vấn đề trong chương trình họp Đại hội đồng cổ đông đều phải được thông qua bằng cách biểu quyết trực tiếp tại Đại hội. Mỗi cổ đông/đại diện theo ủy quyền của cổ đông được cấp một hoặc một số công cụ ghi nhận ý kiến biểu quyết của cổ đông, phụ thuộc vào nội dung của từng cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm: Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử có ghi mã cổ đông (tham dự).
2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến dưới hình thức giơ thẻ biểu quyết hoặc bỏ phiếu biểu quyết vào thùng phiếu tùy theo từng nội dung lấy ý kiến. Cách thức biểu quyết sẽ được quy định cụ thể và thông qua tại Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông theo từng lần họp.
3. Biểu quyết thông qua việc bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát:
 - a. Việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị/thành viên Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành theo nguyên tắc bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
 - b. Cách thức biểu quyết để bầu thành viên Hội đồng quản trị/ thành viên Ban kiểm soát sẽ được quy định cụ thể và thông qua tại Quy chế bầu cử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo từng lần họp.

Điều 13. Cách thức kiểm phiếu

1. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào Ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.
2. Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ:
 - a. Phổ biến thể lệ, các nguyên tắc thực hiện biểu quyết, hướng dẫn sử dụng phiếu biểu quyết/thẻ biểu quyết/phiếu bầu cử.
 - b. Kiểm thẻ biểu quyết, Thu phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử sau khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết và tiến hành kiểm phiếu.

- c. Lập Biên bản kiểm phiếu và báo cáo kết quả kiểm phiếu cho Chủ tọa để Chủ tọa thực hiện công bố kết quả kiểm phiếu trước Đại hội đồng cổ đông dự họp.
 - d. Xem xét và báo cáo với Đại hội đồng cổ đông để quyết định những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn từ khiếu nại về việc biểu quyết (nếu có).
3. Ban kiểm phiếu thực hiện việc kiểm phiếu:
- a. Sau khi việc bỏ phiếu kết thúc, Ban kiểm phiếu sẽ thực hiện kiểm phiếu trong 01 phòng riêng/khu vực riêng.
 - b. Ban kiểm phiếu có thể sử dụng các phương tiện kỹ thuật điện tử và chuyên viên kỹ thuật hỗ trợ trong việc kiểm phiếu.
 - c. Kiểm tra tính hợp lệ của phiếu biểu quyết.
 - d. Kiểm tra lần lượt từng phiếu biểu quyết và ghi vào kết quả kiểm phiếu.
 - e. Sau khi kiểm phiếu xong, Ban kiểm phiếu lập Biên bản kiểm phiếu và báo cáo kết quả kiểm phiếu cho Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.
 - f. Phiếu biểu quyết sau khi được kiểm sẽ được lưu trữ theo quy định.
 - g. Những khiếu nại về việc bầu cử và kiểm phiếu tại Đại hội sẽ do Chủ tọa Đại hội báo cáo Đại hội đồng cổ đông xin ý kiến và được ghi vào biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
4. Các vấn đề khác liên quan đến việc kiểm phiếu sẽ được quy định cụ thể trong Quy chế.

Điều 14. Điều kiện để nghị quyết được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:
 - a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
 - d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;
 - e. Tổ chức lại, giải thể Công ty.
2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.
3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ

tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 15. Thông báo kết quả kiểm phiếu

1. Chủ tọa cuộc họp có trách nhiệm thông báo và công bố kết quả kiểm phiếu trước toàn thể Đại hội đồng cổ đông đối với từng vấn đề biểu quyết. Kết quả biểu quyết phải được ghi vào Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.
2. Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ làm việc, kể từ thời điểm thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc Biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05 (năm) phần trăm tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
 - a. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 20 Điều lệ Công ty;
 - b. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.
2. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.
3. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.
4. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này, nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 17. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Chương trình và nội dung cuộc họp;
 - d. Họ, tên của Chủ tọa và thư ký;
 - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
 3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.
 4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi Biên bản họp này có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 18. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

1. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua hoặc từ thời điểm có hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.
2. Nghị quyết, tất cả các tài liệu đính kèm Nghị quyết, Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Điều 19. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau:
 - a. Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty;
 - b. Phê duyệt, sửa đổi/ bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát;
 - c. Định hướng phát triển công ty;
 - d. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - f. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;
 - g. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - h. Tổ chức lại, giải thể công ty;
 - i. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - j. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
 - k. Các vấn đề các thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
2. Hội đồng quản trị thống nhất các vấn đề lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất là 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến.
3. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại Điều 4 của Quy chế này. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 6 Quy chế này và Điều lệ Công ty.
4. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;
 - c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - e. Phương án biểu quyết bao gồm: tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

- g. Họ, tên và chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
5. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:
- a. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
 - c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
6. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc Cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Công ty;
 - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết; kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - e. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.
- Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
7. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản khi đáp ứng các điều kiện sau:

- a. Đối với các vấn đề quy định tại điểm d,f,l,j,h khoản 1 Điều 13 Quy chế này, nghị quyết được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành;
 - b. Đối với các vấn đề còn lại, nghị quyết được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.
10. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị pháp lý như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 20. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến

1. Bên cạnh hình thức tổ chức họp trực tiếp, Hội đồng quản trị căn cứ theo tình hình thực tế, có thể quyết định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường dưới hình thức hội nghị trực tuyến hoặc kết hợp cả hình thức trực tiếp và trực tuyến có kèm theo hoặc không kèm theo bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác phù hợp.
2. Trong trường hợp Hội đồng quản trị quyết định triệu tập tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức như được quy định tại khoản 1 Điều này, Hội đồng quản trị có trách nhiệm ban hành và công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Quy chế tổ chức họp và biểu quyết cho đại hội này chậm nhất là hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc đại hội, với nội dung cơ bản như sau:
 - a. Hướng dẫn cụ thể về trình tự, thủ tục tổ chức và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức như được quy định tại khoản 1 Điều này;
 - b. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp;
 - d. Điều kiện tiến hành;
 - e. Quy định cách thức bỏ phiếu điện tử và các hình thức biểu quyết tương đương khác để cổ đông có thể thực hiện quyền biểu quyết của mình tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - f. Quy định về cách thức kiểm phiếu và công bố kết quả kiểm phiếu; và
 - g. Các nội dung khác liên quan đến tổ chức Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức như được quy định tại khoản 1 Điều này.

CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 21. Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Hội đồng quản trị phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.
3. Quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị:
Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.
4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị:
 - a. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.
 - b. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.
 - c. Các nội dung được yêu cầu cung cấp phải nêu cụ thể các thông tin cần cung cấp, phương thức cung cấp và gửi đến trực tiếp hoặc gửi qua email tới người/ đơn vị được yêu cầu cung cấp thông tin, đồng thời gửi cho Chủ tịch Hội đồng quản trị trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc.
 - d. Người được yêu cầu cung cấp thông tin/đơn vị được yêu cầu cung cấp thông tin có trách nhiệm cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác, đúng thời hạn và đúng phương thức được yêu cầu. Trường hợp không thể cung cấp thông tin đúng thời hạn yêu cầu hoặc từ chối cung cấp một phần/ toàn bộ thông tin, người được yêu cầu cung cấp thông tin/đơn vị được yêu cầu cung cấp thông tin phải có phản hồi người yêu cầu cung cấp thông tin trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu, nêu rõ lý do không thể thực hiện đúng yêu cầu và phương án xử lý.
 - e. Người được cung cấp thông tin có trách nhiệm bảo mật các thông tin, tài liệu được cung cấp, trừ các thông tin đã được công bố, công khai đại chúng.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và các nghĩa vụ sau:
 - a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;
 - b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

- c. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;
- d. Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
- e. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
- f. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.
- g. Từng thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty niêm yết phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 22. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị;

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị từ 03 (ba) đến 11 (mười một) thành viên.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 (hai) nhiệm kỳ liên tiếp. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
3. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị không điều hành của Công ty phải đảm bảo quy định sau:
 - a. Có tối thiểu 01 thành viên không điều hành trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;
 - b. Có tối thiểu 02 thành viên không điều hành trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;
 - c. Có tối thiểu 03 thành viên không điều hành trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.
4. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Công ty phải đảm bảo quy định sau:
 - a. Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;
 - b. Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;
 - c. Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.

5. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.
6. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.
7. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
8. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết là cổ đông của Công ty.

Điều 23. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị;

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác.
3. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc (Giám đốc) của công ty chứng khoán khác.
4. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
 - b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
 - c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;
 - d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
 - e. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;
 - f. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định pháp luật.
5. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện nêu tại khoản 4 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế

thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 24. Cách thức đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:
 - a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị. Số lượng ứng cử viên của Hội đồng quản trị mà các cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quyền đề cử thực hiện như sau:
 - a. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 (một) thành viên;
 - b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 20% đến dưới 30% được đề cử 02 (hai) thành viên;
 - c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 50% được đề cử 03 (ba) thành viên;
 - d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 50% đến dưới 65% được đề cử 04 (bốn) thành viên;
 - e. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng cử viên.
3. Trường hợp số lượng ứng cử viên do cổ đông, nhóm cổ đông đề cử và ứng cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quy định, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế này và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.
4. Hồ sơ ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị cơ bản gồm: đơn đề cử hoặc ứng cử thành viên Hội đồng quản trị theo mẫu của Công ty; sơ yếu lý lịch, thông tin cần thiết do ứng cử viên tự khai theo mẫu của Công ty; bản sao căn cước công dân hoặc hộ chiếu có công chứng của ứng cử viên; và các tài liệu khác theo yêu cầu của Công ty và Pháp luật có liên quan. Hồ sơ ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị được gửi cho Công ty theo thông báo liên quan.

Điều 25. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

1. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Quy chế này và quy định của pháp luật.
2. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 26. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.
 - b. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.
4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
 - b. Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định của pháp luật;
 - c. Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 27. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị và cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty

để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ chuyên môn;
 - c. Quá trình công tác;
 - d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - g. Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế này và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.
3. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định, hướng dẫn của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

Điều 28. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị.

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị.
Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và bằng nhau, các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm chức danh Tổng Giám đốc.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

- b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn.
6. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
7. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 29. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc đa số. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 30. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - b. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
3. Đề nghị quy định tại Khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
7. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp

này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

8. Địa điểm họp Hội đồng quản trị được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Tài liệu và ngôn ngữ họp Hội đồng quản trị là bằng tiếng Việt và có thể dịch sang tiếng nước ngoài nếu cần thiết.
9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.
10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
13. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian, địa điểm họp;
 - c. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - d. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - e. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - f. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - g. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - h. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - i. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

- j. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 15 Điều này.
- 14. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h khoản 13 Điều này thì biên bản họp có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
- 15. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
- 16. Thông báo nghị quyết của Hội đồng quản trị: Nghị quyết Hội đồng quản trị về một số nội dung quy định bắt buộc phải thực hiện công bố thông tin được Công ty thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Điều 31. Trình tự, thủ tục thông qua Nghị quyết Hội đồng quản trị bằng hình thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản

- 1. Chủ tịch Hội đồng quản trị/ Người có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị (Sau đây gọi là "**Người chủ trì việc lấy ý kiến bằng văn bản**") quyết định việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản.
- 2. Bộ phận giúp việc cho Hội đồng quản trị ("**Văn phòng Hội đồng quản trị**") chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, các tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung xin ý kiến. Phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị. Các thành viên Hội đồng quản trị phải ký vào phiếu lấy ý kiến và gửi về Văn phòng Hội đồng quản trị theo đúng quy định. Nếu quá thời hạn gửi lại phiếu theo quy định thì phiếu lấy ý kiến của thành viên Hội đồng quản trị đó được coi là không phản hồi.
- 3. Việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị có thể thông qua hình thức gửi thư điện tử đến địa chỉ thư điện tử của từng thành viên Hội đồng quản trị. Ý kiến trả lời qua thư điện tử có giá trị tương đương với ý kiến được ký bằng văn bản.
- 4. Phiếu lấy ý kiến phải có nội dung chủ yếu sau:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;

- c. Họ và tên của thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Vấn đề cần lấy ý kiến;
 - e. Phương án biểu quyết, bao gồm: tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - f. Họ và tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
5. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của thành viên Hội đồng quản trị và gửi về Văn phòng Hội đồng quản trị theo quy định của Công ty.
 6. Chánh văn phòng Hội đồng quản trị hoặc cán bộ Văn phòng Hội đồng quản trị hoặc các cá nhân giữ chức danh khác do Chủ tịch Hội đồng quản trị bổ nhiệm/chỉ định trong trường hợp Chánh văn phòng Hội đồng quản trị vắng mặt thực hiện thủ tục kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu (sau đây gọi là “Người kiểm phiếu”). Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty;
 - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến;
 - c. Tổng số phiếu biểu quyết gửi đi, tổng số phiếu biểu quyết thu về, số phiếu biểu quyết hợp lệ, số phiếu biểu quyết không hợp lệ;
 - d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề được xin ý kiến;
 - e. Họ, tên, chữ ký của Người kiểm phiếu, Người chủ trì việc lấy ý kiến bằng văn bản.
 7. Người chủ trì việc lấy ý kiến bằng văn bản, Người kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
 8. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
 9. Biên bản kết quả kiểm phiếu kèm Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua dựa trên kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.
 10. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở Công ty.
 11. Nghị quyết, quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản có giá trị như Nghị quyết, quyết định được thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

12. Thông báo Nghị quyết của Hội đồng quản trị: Nghị quyết Hội đồng quản trị về một số nội dung quy định bắt buộc phải thực hiện công bố thông tin được Công ty thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Điều 32. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị để phụ trách các lĩnh vực như chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro, ...
2. Số lượng thành viên của từng tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành chiếm đa số trong tiểu ban và một số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của các tiểu ban phải tuân thủ quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
3. Việc thực thi các quyết định của Hội đồng quản trị hoặc của các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với quy định pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty và Quy chế quản lý nội bộ về quản trị công ty

Điều 33. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại Khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.
2. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty:
 - a. Có hiểu biết về pháp luật;
 - b. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty;
 - c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định pháp luật.
3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.
4. Các nghị quyết, quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin theo quy định của luật hiện hành.
5. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty.
 - a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
 - b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị;
 - c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d. Tham dự các cuộc họp;

- e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị;
- g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG IV. BAN KIỂM SOÁT

Điều 34. Ban kiểm soát

1. Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra để thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc điều hành, quản lý Công ty. Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm trước pháp luật và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.
2. Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quyền, nghĩa vụ sau:
 - a. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.
 - b. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
 - c. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
 - d. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
 - e. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.
 - f. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
 - g. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
 - h. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

- i. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.
- j. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.
- k. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
- l. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.
- m. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.
- n. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.
- o. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.
- p. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
- q. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.
- r. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
- s. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.
- t. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.
- u. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
- v. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- w. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- x. Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

- y. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
3. Trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát:
- a. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
 - b. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
 - c. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
 - d. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
 - e. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.
 - f. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.
4. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát:
- a. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:
 - (i) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;
 - (ii) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
 - (iii) Báo cáo của Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.
 - b. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
 - c. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 35. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát

- 1. Ban kiểm soát có từ 03 đến 05 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- 2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
4. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 36. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
2. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
3. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác;
4. Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;
5. Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
6. Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;
7. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

Điều 37. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.
3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định.

Điều 38. Cách thức đề cử, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc có quyền đề cử người vào Ban Kiểm soát. Việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện như sau:
 - a. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Ban Kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Căn cứ số lượng thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban Kiểm soát..

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Ban Kiểm soát. Số lượng ứng cử viên của Ban Kiểm soát mà các cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quyền đề cử thực hiện như sau:
 - a. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 (một) thành viên;
 - b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 20% đến dưới 30% được đề cử 02 (hai) thành viên;
 - c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 50% được đề cử 03 (ba) thành viên;
 - d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 50% đến dưới 65% được đề cử 04 (bốn) thành viên;
 - e. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng cử viên.
3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế này và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật.
4. Hồ sơ ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát cơ bản gồm: đơn đề cử hoặc ứng cử thành viên Ban Kiểm soát theo mẫu của Công ty; sơ yếu lý lịch, thông tin cần thiết do ứng cử viên tự khai theo mẫu của Công ty; bản sao căn cước công dân hoặc hộ chiếu có công chứng của ứng cử viên; và các tài liệu khác theo yêu cầu của Công ty và Pháp luật có liên quan. Hồ sơ ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát được gửi cho Công ty theo thông báo liên quan.

Điều 39. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát do ĐHĐCĐ quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.
2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.
3. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c. Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.
4. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:
- a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - d. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Điều 40. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:
- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ chuyên môn;
 - c. Quá trình công tác;
 - d. Các chức danh quản lý khác;
 - e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - g. Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Điều 41. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

CHƯƠNG V. TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 42. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc;

1. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
2. Quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc:
 - a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
 - d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - f. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc (Tổng giám đốc);
 - g. Tuyển dụng lao động;
 - h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 43. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc;

1. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:
 - a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ;
 - c. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty.
2. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc: Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trong trường hợp Tổng Giám đốc kết thúc nhiệm kỳ mà Tổng Giám đốc mới chưa được bổ nhiệm thì Tổng Giám đốc đương nhiệm vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ cho đến khi có quyết định của Hội đồng quản trị.
3. Tiêu chuẩn, điều kiện của Tổng Giám đốc:

Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

 - a. Không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chấp hành án phạt tù hoặc bị cấm hành nghề chứng khoán theo quy định của pháp luật;

- b. Có tối thiểu 02 năm kinh nghiệm làm việc tại bộ phận nghiệp vụ của các tổ chức trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm hoặc tại bộ phận tài chính, kế toán, đầu tư trong các doanh nghiệp khác;
 - c. Có chứng chỉ hành nghề phân tích tài chính hoặc chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ;
 - d. Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán trong thời hạn 06 tháng gần nhất tính đến thời điểm nộp hồ sơ.
 - e. Tổng Giám đốc Công ty không được đồng thời làm việc cho công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ hoặc doanh nghiệp khác; Tổng Giám đốc Công ty không được là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của công ty chứng khoán khác.
 - f. Đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.
4. Các quy định liên quan đến bổ nhiệm, ký hợp đồng với Tổng Giám đốc:
Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc.
5. Miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc:
Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng với Tổng Giám đốc khi được đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.
6. Việc thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.
7. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc:
- a. Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác thì Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
 - b. Tiền lương của Tổng giám đốc được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

CHƯƠNG VI. CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

Điều 44. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc

1. Nguyên tắc phối hợp:
 - a. Luôn vì lợi ích chung của Công ty.
 - b. Tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan và quy định nội bộ của Công ty.
 - c. Làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, trung thực, hợp tác và thường xuyên trao đổi nhằm cùng nhau tháo gỡ vướng mắc, khó khăn (nếu có).
2. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc:
 - a. Tất cả nhiệm vụ Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Người được ủy quyền của Hội đồng quản trị quyết định một hoặc nhiều Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc hoặc Người điều hành phải trách các mảng việc có liên quan cũng được họp và tham gia ý kiến (nếu có).
 - b. Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết/quyết định để Tổng Giám đốc và bộ máy điều hành triển khai thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết/quyết định đó.
 - c. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm báo cáo cho Hội đồng quản trị về việc thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn được giao theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ Công ty.
 - d. Hội đồng quản trị được quyền yêu cầu Tổng Giám đốc và các đơn vị/bộ phận có liên quan cung cấp thông tin cần thiết để báo cáo nhằm thực hiện chức năng quản trị, kiểm soát theo quy định tại Điều lệ, quy định nội bộ của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật.
3. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát:
 - a. Chủ tịch Hội đồng quản trị/Người được ủy quyền phối hợp để tạo điều kiện cho Ban Kiểm soát tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị.
 - b. Ngoài các thông tin báo cáo định kỳ, thành viên Ban Kiểm soát được quyền yêu cầu Hội đồng quản trị cung cấp thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.
 - c. Tất cả các Biên bản họp Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty phải được cung cấp cho thành viên Ban Kiểm soát càng sớm càng tốt để phục vụ cho việc thực hiện chức năng kiểm soát.
 - d. Mọi quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.
 - e. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện các biện pháp khắc phục.

- f. Ban Kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị, Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.
- 4. Phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc:
 - a. Trường hợp phát hiện rủi ro có thể ảnh hưởng đến uy tín, hoạt động kinh doanh của Công ty, Tổng Giám đốc/Phó Tổng Giám đốc cần kịp thời báo cáo cho Ban Kiểm soát.
 - b. Tổng Giám đốc có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi cho các thành viên Ban Kiểm soát tiếp cận thông tin tài liệu theo yêu cầu.
 - c. Các báo cáo Tổng Giám đốc đề trình Hội đồng quản trị ban hành nghị quyết/quyết định phải được gửi đến Trưởng ban Kiểm soát cùng thời điểm và phương thức như gửi Hội đồng quản trị.
 - d. Việc phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc được thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ, các Quy chế và các quy định nội bộ liên quan.

Điều 45. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động thường kỳ và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác

Việc đánh giá hoạt động thường kỳ và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc được thực hiện hằng năm thông qua các báo cáo tổng hợp nhằm cung cấp cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty về thực hiện theo các quy định về khen thưởng, kỷ luật do Công ty ban hành từng thời kỳ.

CHƯƠNG VII. HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 46. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán HD bao gồm VII Chương, 46 Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.
2. Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế các nội dung tại Quy chế này do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
3. Trong trường hợp những quy định của Pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của Pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.
4. Trường hợp có sự không thống nhất giữa quy định của Quy chế này với Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát thì văn bản có giá trị ưu tiên áp dụng sẽ theo trình tự như sau: Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN HD**

Tháng .../2026

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG	1
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	1
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị	1
Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị	2
Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị	2
Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị	3
Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị	3
Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị	4
Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị	5
Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	5
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	6
CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	8
Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	8
Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch	9
Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường	10
Điều 14. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	11
CHƯƠNG IV. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	12
Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị	12
Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị	13
Điều 17. Tổ chức lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản	14
CHƯƠNG V. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH	17
Điều 18. Trình báo cáo hằng năm	17
Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	17
Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan	18
CHƯƠNG VI. MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	19
Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị	19
Điều 22. Mối quan hệ với Ban Tổng giám đốc	19
Điều 23. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát	19
CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	20
Điều 24. Hiệu lực thi hành	20

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số của Đại hội đồng cổ đông)

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ công ty cổ phần...

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ...ngày ...tháng...năm...

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần...

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần... bao gồm các nội dung sau:"

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần công việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.
2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG II. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và các nghĩa vụ sau:
 - a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;
 - b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
 - c. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;
 - d. Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - e. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.
3. Từng thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Công ty phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.
2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.
3. Việc yêu cầu cung cấp thông tin phải được lập thành văn bản nêu cụ thể các thông tin cần được cung cấp, phương thức cung cấp, gửi trực tiếp hoặc gửi email tới người được yêu cầu cung cấp thông tin/ đơn vị được yêu cầu cung cấp thông tin, đồng thời gửi cho Chủ tịch Hội đồng quản trị trước thời điểm yêu cầu cung cấp thông tin tối thiểu 07 ngày làm việc.
4. Người được yêu cầu cung cấp thông tin/ đơn vị được yêu cầu cung cấp thông tin có trách nhiệm cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác, đúng thời hạn và đúng phương thức được yêu cầu. Trường hợp không thể cung cấp thông tin đúng thời hạn yêu cầu hoặc từ chối cung cấp một phần/toàn bộ thông tin, người được yêu cầu cung cấp thông tin/ đơn vị được yêu cầu cung cấp thông tin phải có phản hồi người yêu cầu

cung cấp thông tin trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu, nêu rõ lý do không thể thực hiện đúng yêu cầu và phương án xử lý.

5. Người được cung cấp thông tin có trách nhiệm bảo mật các thông tin, tài liệu được cung cấp, trừ các thông tin đã được công bố, công khai đại chúng.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng Thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 11 thành viên.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.
3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.
4. Điều lệ Công ty quy định cụ thể số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 155 Luật Doanh nghiệp. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác.
 - b. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc (Giám đốc) của công ty chứng khoán khác.
2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
 - b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
 - c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;
 - d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
 - e. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;
 - f. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định pháp luật.

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Tổng Giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; cuộc họp của Hội đồng quản trị;
 - f. Lãnh đạo và đảm bảo sự hoạt động hiệu quả của Hội đồng quản trị;
 - g. Quyền và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật theo quy định tại Điều 3 Điều lệ Công ty;
 - h. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.
5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm Thư ký Công ty. Thư ký Công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
- b. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
- d. Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- e. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

- 1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.
- 2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - b. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.
- 3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.
- 4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
 - b. Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp;
 - c. Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

- 1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

- a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm đề cử cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.
2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.
 3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.
 4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:
 - a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ chuyên môn;
 - c. Quá trình công tác;
 - d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

- e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - g. Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - d. Quyết định giá bán cổ phần, trái phiếu và các loại chứng khoán khác của Công ty;
 - e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
 - f. Quyết định việc phát hành, chào bán trái phiếu không chuyển đổi không kèm chứng quyền và phát hành, chào bán các loại chứng khoán khác trừ các loại chứng khoán thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ;
 - g. Quyết định huy động vốn dưới các hình thức khác;
 - h. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - i. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - j. Thông qua tất cả các hợp đồng, giao dịch dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
 - k. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Ban Tổng Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác; quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
 - l. Giám sát, chỉ đạo Ban Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
 - m. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

- n. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
 - o. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
 - p. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - q. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
 - r. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế Kiểm toán nội bộ, Quy chế về công bố thông tin của Công ty, Quy chế/quy định tài chính của Công ty quy định thẩm quyền phê duyệt liên quan đến chi phí của Công ty phù hợp với hoạt động kinh doanh;
 - s. Phê duyệt/Chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người có liên quan được quy định tại khoản 2 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
 - t. Được quyền giao nhiệm vụ/phân công/phân quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị/thành viên Ban Tổng Giám đốc thực hiện triển khai hợp đồng/giao dịch/quyết định đầu tư, kinh doanh và/hoặc các nội dung công việc khác mà Hội đồng quản trị đã phê duyệt;
 - u. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.
3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do pháp luật quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.
4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

- 1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:
 - a. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
 - b. Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

- c. Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
 - d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
 - e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
2. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ Công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này.
3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
 - b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
 - c. Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
 - d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
 - e. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
 - f. Xác định thời gian và địa điểm họp;
 - g. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;

h. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị.
2. Số lượng thành viên của từng tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành chiếm đa số trong tiểu ban và một số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của các tiểu ban phải tuân thủ quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
3. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

CHƯƠNG IV. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - b. Có đề nghị của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên

Hội đồng quản trị. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.
10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
13. Địa điểm họp Hội đồng quản trị được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Tài liệu và ngôn ngữ họp Hội đồng quản trị là bằng tiếng Việt và có thể dịch sang tiếng nước ngoài nếu cần thiết.

Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian, địa điểm họp;

- c. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - e. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - h. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.
2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.
- Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.
- 3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
 - 4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
 - 5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Điều 17. Tổ chức lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản

- 1. Chủ tịch Hội đồng quản trị/Người có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị (Sau đây gọi là “Người chủ trì việc lấy ý kiến bằng văn bản”) quyết định việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản.
- 2. Bộ phận giúp việc cho Hội đồng quản trị (“Văn phòng Hội đồng quản trị”) chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, các tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung xin ý kiến. Phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo phải được gửi bằng phương thức

bảo đảm đến địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị. Các thành viên Hội đồng quản trị phải ký vào phiếu lấy ý kiến và gửi về Văn phòng Hội đồng quản trị theo đúng quy định. Nếu quá thời hạn gửi lại phiếu theo quy định thì phiếu lấy ý kiến của thành viên Hội đồng quản trị đó được coi không phản hồi.

3. Việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị có thể thông qua hình thức gửi thư điện tử đến địa chỉ thư điện tử của từng thành viên Hội đồng quản trị. Ý kiến trả lời qua thư điện tử có giá trị tương đương với ý kiến được ký bằng văn bản.
4. Phiếu lấy ý kiến phải có nội dung chủ yếu sau:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;
 - c. Họ và tên của thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Vấn đề cần lấy ý kiến;
 - e. Phương án biểu quyết, bao gồm: tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - f. Họ và tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
5. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của thành viên Hội đồng quản trị và gửi về Văn phòng Hội đồng quản trị theo quy định của Công ty.
6. Thư ký Hội đồng quản trị/Chánh văn phòng Hội đồng quản trị hoặc nếu Thư ký Hội đồng quản trị/Chánh văn phòng Hội đồng quản trị vắng mặt, cán bộ Văn phòng Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị bổ nhiệm/chỉ định thực hiện thủ tục kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu (Sau đây gọi là “Người kiểm phiếu”). Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty;
 - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến;
 - c. Tổng số phiếu biểu quyết gửi đi, tổng số phiếu biểu quyết thu về, số phiếu biểu quyết hợp lệ, số phiếu biểu quyết không hợp lệ;
 - d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề được xin ý kiến;
 - e. Họ, tên, chữ ký của Người kiểm phiếu, Người chủ trì việc lấy ý kiến bằng văn bản.

7. Người chủ trì việc lấy ý kiến bằng văn bản, Người kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
8. Nghị quyết, quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản áp dụng theo nguyên tắc thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị tại Khoản 12 Điều 16 Quy chế này.
9. Biên bản kết quả kiểm phiếu kèm Nghị quyết, Quyết định của HĐQT được thông qua dựa trên kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các thành viên HĐQT trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.
10. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở Công ty.
11. Nghị quyết, quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản có giá trị như Nghị quyết, quyết định được thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG V. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 18. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:
 - a. Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
 - b. Báo cáo tài chính;
 - c. Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
 - d. Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.
2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ Công ty không có quy định khác.
3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và Báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ Công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
 - a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

CHƯƠNG VI. MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.
2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.
3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 22. Mối quan hệ với Ban Tổng giám đốc

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc (Giám đốc) và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 23. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán HD bao gồm VII chương, 24 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.
2. Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế các nội dung tại Quy chế này do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
3. Trường hợp có sự không thống nhất giữa quy định của Quy chế này với Điều lệ Công ty thì quy định của Điều lệ Công ty có giá trị ưu tiên áp dụng.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Dự thảo

NGHỊ QUYẾT

V/v: Phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HD

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán HD (HDS);
- Căn cứ Biên bản họp số 01/2026/BBH-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2026 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán HD.

QUYẾT NGHỊ

- Điều 1.** Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị (HĐQT) năm 2025 và Phương hướng hoạt động năm 2026.
- Điều 2.** Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát (BKS) năm 2025 và Phương hướng hoạt động năm 2026.
- Điều 3.** Thông qua Báo cáo của Tổng Giám đốc về kết quả hoạt động kinh doanh 2025 và Kế hoạch hoạt động 2026.
- Điều 4.** Thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán theo Tờ trình số 01/2026/TTr-HĐQT.
- Điều 5.** Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 theo Tờ trình số 02/2026/TTr-HĐQT.
- Điều 6.** Thông qua Kế hoạch kinh doanh năm 2026 theo Tờ trình số 03/2026/TTr-HĐQT.
- Điều 7.** Thông qua Tổng mức chi trả thù lao trong năm 2025 và phương án chi trả thù lao trong năm 2026 cho HĐQT và BKS theo Tờ trình số 04/2026/TTr-HĐQT.
- Điều 8.** Thông qua Danh sách tổ chức kiểm toán và ủy quyền lựa chọn tổ chức kiểm toán cho năm tài chính 2026 theo Tờ trình số 05/2026/TTr-HĐQT.
- Điều 9.** Thông qua Đơn xin thôi tham gia HĐQT và Bầu bổ sung thành viên HĐQT trong thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2025 – 2030 theo Tờ trình số 06/2026/TTr-HĐQT.
- Điều 10.** Thông qua Phương án phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng theo Tờ trình số 07/2026/TTr-HĐQT.
- Điều 11.** Thông qua Sửa đổi, bổ sung và ban hành lại toàn văn Điều lệ Công ty và các quy chế quản trị theo Tờ trình số 08/2026/TTr-HĐQT.
- Điều 12.** Thông qua Chủ trương thành lập tổ chức kinh doanh chứng khoán là Thành viên tại Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam theo Tờ trình số 09/2026/TTr-HĐQT.
- Điều 13.** Thông qua Chủ trương ký kết, thực hiện các Hợp đồng, thỏa thuận, giao dịch với Người có liên quan theo Tờ trình số 10/2026/TTr-HĐQT.

Điều 14. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Giám đốc các Khối; Trưởng các Phòng, Ban Trụ sở chính/ Chi nhánh và các đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Nghị quyết này.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Chủ tịch HĐQT

Nguyễn Cảnh Vinh

PHIẾU BIỂU QUYẾT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

TÊN CỔ ĐÔNG/ ĐẠI DIỆN CỔ ĐÔNG:

TỔNG SỐ CỔ PHẦN CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT: cổ phần

Trong đó:

- SỐ CỔ PHẦN SỞ HỮU: cổ phần

- SỐ CỔ PHẦN ĐƯỢC ỦY QUYỀN: cổ phần

Kính đề nghị Quý Cổ đông/ Người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông cho ý kiến bằng cách đánh dấu (X) vào ô tương ứng:

TT	Nội dung thông qua	Đồng ý	Không đồng ý	Không có ý kiến
1	Thông qua Đoàn Chủ tịch, Ban Thư ký và Ban Kiểm phiếu			
2	Thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội			
3	Thông qua Chương trình Đại hội			
4	Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị (HĐQT)			
5	Thông qua Báo cáo của Tổng Giám đốc			
6	Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát (BKS)			
7	Thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán theo Tờ trình số 01/2026/TTr-HĐQT			
8	Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 theo Tờ trình số 02/2026/TTr-HĐQT			
9	Thông qua Kế hoạch kinh doanh năm 2026 theo Tờ trình số 03/2026/TTr-HĐQT			
10	Thông qua Tổng mức chi trả thù lao trong năm 2025 và phương án chi trả thù lao trong năm 2026 cho HĐQT và BKS theo Tờ trình số 04/2026/TTr-HĐQT			
11	Thông qua Danh sách tổ chức kiểm toán và ủy quyền lựa chọn tổ chức kiểm toán cho năm tài chính 2026 theo Tờ trình số 05/2026/TTr-HĐQT			
12	Thông qua Đơn xin thôi tham gia HĐQT và bầu bổ sung thành viên HĐQT trong thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2025 – 2030 theo Tờ trình số 06/2026/TTr-HĐQT			
13	Thông qua Quy chế bầu bổ sung thành viên HĐQT trong thời gian còn lại			

TT	Nội dung thông qua	Đồng ý	Không đồng ý	Không có ý kiến
	của nhiệm kỳ 2025 – 2030			
14	Thông qua danh sách ứng cử viên thành viên HĐQT bổ sung trong thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2025 – 2030 được Ban Tổ chức Đại hội lập (trên cơ sở hồ sơ đề cử, ứng cử hợp lệ theo Thông báo về việc ứng cử, đề cử để bầu bổ sung thành viên HĐQT ngày 02/04/2026)			
15	Thông qua kết quả bầu bổ sung thành viên HĐQT trong thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2025 – 2030			
16	Thông qua phương án phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng theo Tờ trình số 07/2026/TTr-HĐQT			
17	Thông qua việc sửa đổi, bổ sung và ban hành lại Điều lệ và các quy chế quản trị theo Tờ trình số 08/2026/TTr-HĐQT			
18	Thông qua chủ trương thành lập tổ chức kinh doanh chứng khoán là Thành viên tại Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam theo Tờ trình số 09/2026/TTr-HĐQT			
19	Thông qua chủ trương ký kết, thực hiện các Hợp đồng, thỏa thuận, giao dịch với người có liên quan theo Tờ trình số 10/2026/TTr-HĐQT			

Ghi chú:

- Cổ đông/ Người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông xin vui lòng chỉ đánh dấu (X) vào 1 trong 3 ô (Đồng ý, Không đồng ý hoặc Không có ý kiến). Nếu Cổ đông/ Người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông đánh dấu (X) vào 2 ô trở lên thì việc biểu quyết của Cổ đông/ Người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông đối với vấn đề đó không được coi là hợp lệ.
- Nếu Cổ đông/ Người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông đánh dấu nhầm thì có thể gạch đi và đánh dấu lại vào ô đúng, sau đó ký vào bên cạnh để xác nhận đó là ô đánh dấu đúng.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 04 năm 2026

Cổ đông/ đại diện cổ đông

(Ký, ghi rõ họ tên)

**GIẤY XÁC NHẬN THAM DỰ/ ỦY QUYỀN THAM DỰ
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HD**

1. Xác nhận tham dự Đại hội (*):

Tên cổ đông:
GCNĐKDN/ Thẻ căn cước/ CCCD số: Ngày cấp: Nơi cấp:
Địa chỉ:
Số cổ phần sở hữu: cổ phần

- Xác nhận tham dự Đại hội
 Ủy quyền tham dự Đại hội (nếu chọn mục này vui lòng điền thông tin ủy quyền tại Phần 2 dưới đây)

2. Ủy quyền tham dự Đại hội cho:

Ông/ Bà:
Thẻ căn cước/ CCCD số: Ngày cấp: Nơi cấp:
Địa chỉ:
Số cổ phần ủy quyền: cổ phần

3. Nội dung ủy quyền:

Bên được ủy quyền được đại diện cho Bên ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 của Công ty Cổ phần Chứng khoán HD và thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ tại Đại hội liên quan đến số cổ phần ủy quyền.

Bên được ủy quyền có nghĩa vụ thực hiện đúng nội dung Quy chế làm việc của Đại hội, không được ủy quyền lại cho người khác và có trách nhiệm thông báo lại kết quả Đại hội cho Bên ủy quyền.

Giấy ủy quyền này chỉ có hiệu lực trong thời gian diễn ra Đại hội. Chúng tôi cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định của Điều lệ Công ty và chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện ủy quyền này.

Bên được ủy quyền
(Ký và ghi rõ họ tên)


Cổ đông
(Ký và ghi rõ họ tên)

(*): Trường hợp Cổ đông trực tiếp tham dự mà không ủy quyền thì chỉ cần ghi thông tin tại Mục 1 và ký tên xác nhận.

**ĐƠN ĐỀ CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2026**

**Kính gửi: Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026
Công ty Cổ phần Chứng khoán HD**

Chúng tôi là Cổ đông của Công ty Cổ phần Chứng khoán HD ("Công ty") có thông tin như sau:

STT	Tên cổ đông	Giấy tờ pháp lý	Số CP sở hữu liên tục trong 6 tháng	Tỷ lệ (%)	Người đại diện ký tên, đóng dấu
1	NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN TP. HỒ CHÍ MINH	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300608092, cấp ngày 11/08/1992 tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh	43,842,571	29,99%	 Ngày 21/04/2026

Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Thông báo ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) trong thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2025-2030, tôi/chúng tôi trân trọng ứng cử/đề cử như sau:

Ông: VŨ HỮU ĐIỀN

Ngày sinh: 1972

CCCD số:

Trật tự xã hội

Nơi sinh: Tp. Hồ Chí Minh

Địa chỉ thường trú:

Điện thoại:

Làm ứng cử viên cho vị trí thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty Cổ phần Chứng khoán HD.

– Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về

Tôi/Chúng tôi cam kết:

- Đáp ứng đầy đủ điều kiện ứng cử/đề cử theo quy định của pháp luật, Điều lệ và Thông báo ứng cử, đề cử của Công ty;
- Duy trì tỷ lệ sở hữu cổ phần theo quy định để đảm bảo hiệu lực của việc ứng cử/đề cử;
- Ứng viên được đề cử đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn, điều kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị;
- Các thông tin, tài liệu cung cấp là trung thực, chính xác, cập nhật và hợp pháp, và chịu hoàn toàn trách nhiệm về các nội dung này;
- Đồng ý để Công ty công bố thông tin về Đơn ứng cử/đề cử và các tài liệu theo quy định.

Xin trân trọng cảm ơn!

Hồ sơ kèm theo:

- Bảng thông tin cá nhân do ứng cử viên tự khai;
- Bản sao CCCD;
- Bản sao các bằng cấp, chứng chỉ
- Giấy ủy quyền (nếu có).

**SƠ YẾU LÝ LỊCH CỦA ỨNG VIÊN THAM GIA
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2025 - 2030
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HD**

1. Họ và tên : **VŨ HỮU ĐIỀN**
2. Giới tính : Nam
3. Ngày tháng năm sinh : 1972
4. Nơi sinh : TP. Hồ Chí Minh
5. Quốc tịch : Việt Nam
6. Số CCCD (Hộ chiếu) :

7. Địa chỉ thường trú :

8. Số điện thoại liên lạc :
9. Trình độ văn hóa : 12/12
10. Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ quản trị kinh doanh và hệ thống thông tin
11. Quá trình công tác:
- Tháng 11/2000 – tháng 06/2024: Giám đốc - Dragon Capital Group
- Từ 2023- nay: Chủ tịch Hội đồng Quản trị - Công ty Cổ phần Fintech AI.
- Tháng 07/2024 – tháng 04/2026: Thành viên Hội đồng quản trị - Công ty Chứng khoán VPBank
- Tháng 07/2024 – tháng 09/2025: Chủ tịch Hội đồng quản trị - Công ty Chứng khoán VPBank
- Tháng 11/2024 – tháng 12/2025: Tổng Giám đốc - Công ty Chứng khoán VPBank
12. Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty Cổ phần Chứng khoán HD (nếu có): Không có
13. Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Chủ tịch Hội đồng Quản trị - Công ty Cổ phần Fintech AI
14. Lợi ích liên quan tới Công ty: Không

Tôi cam kết có đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty để tham gia vào vị trí Thành viên Hội đồng Quản trị ("**HDQT**") và cam kết thực hiện nhiệm vụ của Thành viên HDQT một cách cẩn trọng, trung thực và mẫn cán trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông tín nhiệm bầu và bổ nhiệm.

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu có sai sót tôi xin chịu trách nhiệm trước Pháp luật.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 04 năm 2026

Người khai

(Ký và ghi rõ họ tên)


VŨ HỮU ĐIỀN